

TIÊN PHẬT HIỆP TÔNG

Đời Đại-Minh, niên hiệu Vạn Lịch, ông Kiệt Vương Quốc Sư, Duy Ma đại phu qui-tử Tam giáo dật dân, pháp danh XUNG-HU-TỬ họ NGŨ, đạo hiệu THỦ-DƯƠNG người xóm Tịch-tả, huyện Nam-xương là thuật giả.

Bến Tre, 29-2-6
THIỆN-PHÁP CƯ SĨ
KHÊ THỦ KINH DỊCH

Kinh này ấn tống của Tây-Tông
Đại đạo Kim đơn muốn phổ thông,
Thỉnh khỏi tôn tiền xin kiếm hiểu,
Gặp thuyền bát nhã đặng qua sông.

1932
-- In tại nhà in BÙI-VĂN-NHÃN --
BẾN TRE

--oOo--

TÂY TÔNG CHƯƠNG TRÌNH

VỀ NHƠN ĐẠO thì có:

1. Tây Tông hiến lễ kinh, (để hành lễ)
2. Tây Tông ngoại lệ, (để làm ngoại cảnh điều lệ)
3. Đạo gia tang lễ, (để làm tang tế qui tắc)
4. Thánh-ngôn nhơn-đạo,
5. Thiệt-hành tam-ngũ,

6. Thái-Thượng Cảm-ứng thiên (Để làm nhơn đạo qui củ chuẩn thẳng)

VỀ THIÊN ĐẠO thì có:

1. Quan âm bí giải,
2. Đạo-thơ trích cảm,
3. Huyền-diệu –cảnh,
4. Thiên-tiên chánh lý trực luận,
5. Tiên-Phật hiệp tông,
6. Thánh-ngôn Thiên đạo, (gần in)
(Để làm dẫn tẩn và ấn chứng trong Thiên-đạo)

CHÚ Ý: Các thứ kinh này để hiến cho đồng chí. Anh em khỏi tôn tiền mua. Ai muốn thỉnh thì do ấn-tổng giả, hoặc do ông Đại lý của Tây Tông Bentré là ông BÙI-SANH-TÀI, đạo hiệu Thiện-giáo, ở ấp An hòa, đường Batri, gần cầu Cá-lóc, làng An-hội, tổng Bảo-hưu, hạt Bentré.

Đồng chí tu đơn thì coi mấy thứ đạo thơ trong chương-trình của Tây-tông cũng đủ. Như muốn biết đại-đạo cho rộng nữa, thì coi thêm đơn kinh khác kể trong quyển Quan-âm bí giải của chúng tôi đã dịch rồi đó mà thôi. Bởi vì kinh tu đơn nào mà không phải của Tam-giáo Thánh-nhơn lưu truyền, thì chưa chắc là kinh thiệt ngữ.

--oOo--

TIÊN PHẬT HIỆP TÔNG

TỰ TỰ

(Bài tựa của trước tác giả)

Tiên tông quả-vị liễu đặng, thì chứng trường sanh, Phật tông quả vị liễu đặng, thì chứng vô sanh. Nhưng mà liễu chứng vô sanh, phải lấy liễu chứng trường sanh làm thiệt chỉ (thiệt nghĩa), liễu chứng trường-sanh phải lấy liễu chứng vô sanh làm thiệt chung (trước sau),

là chỗ gọi tánh mạng song tu vậy. Nay ta thuật lại lời ngữ-lục này, thì ý ta trọng nơi Tiên-tông, còn Phật tông cũng chẳng qua để giúp dẫn lời thuật mà thôi.

Đặt tên rằng Tiên-Phật hiệp-tông, là muốn cho đồng-chí thánh-chơn đời sau tu Thiên-Tiên biết phép tánh mạng song tu là yếu lý. Trước ta làm kinh Thiên-tiên chánh-ly trực luận chín chương, đã bày rõ ràng thứ lớp của Tiên lý. Nay ta lại viết kinh Tiên-Phật hiệp-tông ngữ-lục này cũng chín chương, một là dùng mà mở-sáng cái bí-pháp của Thiên-tiên chánh-ly Trực-luận chưa mở đặng tỏ, hai là dùng mà chỉ hết cái thiên-cơ của khẩu truyền chưa đặng lậu. Đặng thấy kinh này, là thấy cái huyền ở trong cái huyền, cái diệu ở trong cái diệu. Sáng như mặt nhật và các ngôi sao. Kẻ đặng xem kinh này, phải tinh tấn tu trì cho đặng thành Tiên thành Phật, ngõ chẳng phụ cái khổ-tâm của ta độ thế. Bấy nhiêu đó là lời tựa vậy.

XUNG-HƯ-TỬ
Cẩn Tựa.

--oOo--

NGŨ LỤC KHỞI DO

(Nguyên do của kinh Tiên-Phật hiệp tông ngữ lục này)

Đức Xung-Hư-Tử, niên hiệu Vạn-lich, năm Ất-mão, truyền khẩu-quyết: bá nhật trúc cơ luyện tinh, lần đầu cho Đức Kiết-Vương Thái-Hòa. Bảy năm sau, niên hiệu Thiên-Khải, năm Nhâm-tuất, thì truyền khẩu-quyết: Thê đại dược, là hai lần. Rồi sáu năm sau, niên hiệu Sùng-Trinh, năm Mậu-thìn thì truyền khẩu-quyết: Ngũ long bổng thánh, là ba lần. Đức vua cầu xin trọn nghĩa Tiên-Phật hiệp tông thì Đức Ngũ-Tử chưa khứng. Trải qua bốn năm nữa, là năm Nhâm-thân, ngài mới thật độ vua, bèn đem sự huyền-diệu trọn nghĩa của Tiên-Phật hiệp-tông mà lậu hết nơi trong thị-dụ (là lời

thí-dụ để mà luận thiên-cơ), cùng đem phù tiết (ấn với cờ) của Đức Khuru-Tổ mà truyền cho. (Cả thấy là 4 lần truyền).

Nhân kẻ đệ-tử lấy lòng thành thật thẩm-xét câu hỏi, mà ngài trả lời cất nghĩa rất rõ-ràng, nên chép lại mà làm kinh TIÊN-PHẬT HIỆP-TÔNG NGŨ LỤC NÀY. Ngài dặn vua rằng: Kinh này lậu truyền cái chí bửu của Hoàng-Thiên. Vậy có đồng đức đồng chí, và ông cha là bậc nhơn hiền, thì mới nên độ. Rất phải dè dặt chẳng nên vọng truyền cho phi-nhơn (người quấy). Điện hạ hãy đem lời ngữ-lục khởi do này để trước đầu kinh mà làm lời tựa, đặng cho người thấy rằng sự truyền đạo cùng sự lãnh đạo chẳng khá khinh hốt.

Đời Đại-Minh, niên hiệu Sùng-Trinh, năm thứ 13, là năm Canh-thìn, ngày xuân, môn hạ của Khuru chơn-nhơn, phái thứ 8, đệ-tử có phân phù lãnh tiết (chia ấn lãnh cờ ý nói: đặng truyền đạo có bằng cớ) ký tên: XUNG-HƯ NGŨ-THỦ-DƯƠNG.

(Tông phái của Tổ Khuru-Trường-Xuân có 20 chữ sau này để đặt đạo hiệu cho đệ tử: ĐẠO ĐỨC THÔNG HUYỀN TỊNH, CHƠN THƯỜNG THỦ THÁI HƯ, NHỨT DƯƠNG LAI PHỤC BỒN, HIỆP GIÁO VĨNH VIÊN MINH. Đức Ngũ-Tử và em-chú bác là ông Chơn-Dương, thuộc về phái thứ 8, nên lấy chữ thủ mà đặt đạo hiệu của ngài là Thủ-Dương, của ông Chơn-Dương, là Thủ-Hư. Còn các đệ tử của ngài thuộc về phái thứ 9, là chữ thái, nên có tên: Thái Hòa, Thái Sơ, Thái Ất).

--oOo--

TIỂU DẪN

Đức Xung-Hư Chơn-nhơn viết kinh Thiên-Tiên chánh-ly gọi rằng chỉ đủ điều tinh vi trong bài trực-luận, trọn sự quảng đại trong lời siển-thuyết. Quảng-đại mà rõ-ràng, tinh-vi mà mau-lẹ. Thế thì toàn thể của Đại-đạo đã tỏ bày rồi vậy. Nhưng cái lòng khai-hóa diu-dắt kẻ hậu-lai của Chơn-nhơn vẫn còn có thêm mà không thôi, nên gom những lời ngữ-lục giảng dạy môn-nhơn ngày thường mà làm quyển

kinh, đặt tên là “Tiên-Phật Hiệp-Tông” muốn cho người sau đọc kinh “Thiên-Tiên chánh lý” chưa thông, thì xem Hiệp-tông nữa cho đủ đạo-lý.

--oOo--

Vả lấy cái tên Tiên Phật tuy khác mà cái công-phu đạo-pháp tinh-tế chẳng chẳng hiệp nhau. Chánh dùng thấy chính có một sự này là thật, dư ngoài tới hai thì chẳng phải chơn, cho hậu-thế biết Tiên với Phật không phải hai góc, lại không để cho hết thầy các đạo Bàn-gôn môn Dịch-thuật lầm thừa ý kiến, bỏ chánh-đạo chẳng theo, mà xu hướng nơi Tà-ngụy.

Nho gia dùng cái công TỒN TÂM DUỖNG TÁNH mà hiệp Thiên-tiên. Thích-thị dùng cái công MINH TÂM KIẾN TÁNH mà chứng Đại giác. Tiên gia dùng cái công TU TÂM LUYỆN TÁNH mà liễu đạo. Cái chỗ dùng mà hành đạo của Tam giáo chẳng chẳng phải cái thân-tâm tánh-mạng này mà thôi vậy. Rứa thì đạo của Tiên Phật tức là đạo của Thánh-Hiền. Tuy đã tu luyện tinh-vi, mà CỖ-Thánh-Chơn sợ lời răn-cấm của Trời, nên mượn LƯ ĐÁNH DIÊN HỒNG đặt tên mà thí dụ vậy mới lãng-xăng mà lầm lạc, kỳ thật là chẳng ngoài cái tánh cùng cái mạng mà riêng gọi là LƯ ĐÁNH ĐẠO LỘ DIÊN HỒNG DƯỢC VẬT.

Tiên còn khá hiệp với Phật lại chẳng khá hiệp với Nho sao? Hai tông ấy há vì sự khoe cao-sâu, chuộng mới lạ mà chỉ ra đạo này đạo nọ, cho đến làm đời đời dân vậy ôi? Thiệt một quyển kinh Hiệp-tông này của Chơn-nhơn chẳng những là mở-rộng chỗ uyên-vi, mà lại nói cầm cái đại-đạo thêm thâm-thiết rõ-rệt nữa đó! Kẻ đọc kinh của Chơn-nhơn, thì lẽ cũng hiểu cái ý của Chơn-nhơn vậy.

Quang-Tự, năm 23 là năm Đinh Dậu thu nguyệt
 Ông ĐẶNG-HUY-TÍCH
 HIỆU CỖ-Vân An-Vân-Liệt,
 Kính: viết bài Tiêu-dẫn này trong hiên
 Tự-nhiên tự-tại.

1. TÔI SƠ HUỒN HU

Ông Kiết-Vương Thái-Hòa Điện-hạ hỏi rằng: Trong Thiên-Tiên Chánh-Lý trực-luận nói **luyện kỹ**, thì phải lo các mối **cấm chỉ đồ tuyệt** (cấm ngăn thôi dứt) làm trước. Lại nói: chẳng luyện kỹ, thì có cái tệ khó nên huyền công. Đó cũng khá gọi là nói rõ cái yếu lý của sự luyện-kỹ. Mới đây lại nhờ thầy dạy rằng: Cái công tối sơ luyện kỹ, chẳng qua là cái công để dắt vào cửa đạo mà thôi. Rồi còn phải tập **huồn-hư** mới vào chỗ kín sâu mầu nhiệm. Dám xin thầy cho đề từ rõ cái lý huồn hư là làm sao?

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Đạo Nho có cái tâm pháp: **Chấp-Trung**. Đạo Tiên có cái tu-trì **huồn-hư**. Đều là một gốc. Bởi trung tức là cái tánh thể hư-không, thì chấp-trung tức là cái công huồn-hư vậy. Nhưng chỉ có giống con Tiên Phật mới hay huồn-hư linh tánh, đặt cho thuần cái nghĩa tịnh-nhứt. Nếu còn nhơn-tâm, thì là trái hẳn với tánh thể hư-không. Động động chẳng an, thì phải lưu lãng sanh tử, không bao giờ ra khỏi luân hồi.

Ấy vậy kẻ muốn tu Tiên-đạo, trước phải đặt nên cái vật chớ đạo. Muốn đặt nên cái vật chớ đạo thì trước phải làm cho trọn vẹn cái công huồn-hư. Hư ấy là nghĩa trước cái giờ Hồng-mông vị phán (khí Hồng-mông chưa chia) là buổi ban sơ của giờ vô-cực. Giờ này là giờ không Trời Đất, không sơn xuyên thảo-mộc, không nhơn ngã không côn-trùng. Vạn tượng không không, đều không điểm dấu. Ấy là cái căn-bản của tánh thể. Huồn-hư nghĩa là về lại trong giờ ban-sơ của buổi vô-cực, đặt trả lại cái tánh thể của bản-lai.
 - Vậy thì phải tu trì thể nào mới làm trọn cái công huồn-hư?

- Cái công huàn-hư chính ở nơi giờ đối cảnh vô tâm mà thôi. Giờ ấy là thấy Trời-Đất cũng không hình Trời-Đất, thấy núi sông cũng không dấu núi sông, thấy người ta (nhơn ngã) cũng không tướng người ta, thấy côn trùng thảo mộc cũng không bóng côn trùng thảo mộc. Muôn hình trống trống, đều chẳng thấy rõ, nhưt niệm bất khởi, lục căn đại định, nhưt trần bất nhiễm, ấy là chỗ tánh thể hoàn-toàn của bản-lai. Huàn-hư như vậy, thì đừng để lòng nơi việc quá-khứ, việc hiện-tại, và việc vị-lai. Hiểu tắt ngang cái phép tối thượng-thừa, thì phải cần gì luyện-kỹ, là cái phép tu quanh thay. Phật thì nói: Vô tướng quang trung thường tư tại. (Mình hằng ở trong cái yển sáng không hình). Lại nói: Nhưt niệm bất sanh toàn thể hiện, lục căn tài động bị vân già. (Một tướng chẳng sanh toàn thể hiện, lục căn vừa dậy bị mây che). Chánh là hiệp với tông Tiên này.

2. CHƠN Ý.

Ông Kiết-Vương Thái-Hòa Điện hạ hỏi rằng: Trong Trục luận chỗ gọi: **Phản quang nội chiếu**, ngưng thần nhập ư khí huyết. Dám xin lão-sur dạy rõ cái nghĩa: **Phản quang nội chiếu**.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Phản quang nội chiếu, tức là sự diệu dụng của chơn-ý. Bởi ngươn-thần chẳng động là làm cái thể (cái hình vóc), chơn-ý cảm thông là cái dụng (cái việc làm). Ngươn-thần chơn-ý vốn là một vật. Nói thần cũng đặng mà nói ý cũng đặng. Nên chơn-ý tức là cái chánh-giác trong giờ hư-vô, là chỗ gọi: tương tri chi vi ý (là ý biết nhau một chút)

Phản quang nội chiếu nghĩa là đem cái chơn-ý chạy ngoài trở về, dùng mà xem soi nơi trong. Cái giờ luyện tinh, thì chơn-ý xem soi nơi trăm-ngày luyện tinh. Cái giờ luyện khí, thì chơn-ý xem soi nơi mười tháng luyện khí. Cái giờ luyện thần, thì chơn-ý xem soi nơi ba năm luyện thần. Ấy là cái nghĩa đại-lược của phép phản quang nội chiếu.

- Cái nghĩa-cả của phép: **ngưng thần nhập khí huyết** là làm sao?

- Cái giờ luyện tinh có cái công **hành trụ khởi chỉ**, hành là thể thủ (hái lầy) là vận hơi, dùng chơn-ý mà hiệp thần với khí. **Trụ** là phong-cổ (niêm chặt) mộc-dục (tắm gội) là dùng hơi, dùng chơn-ý mà phục thần với khí. **Khởi** là sau giờ phong-cổ và thể thủ, là dùng chơn-ý vận hơi mà hiệp thần với khí nơi trong 12 giờ, là đẩy lửa từ giờ tỵ vậy. **Chỉ** là chơn-ý ở nơi giờ tượng-nhuận, dùng hơi mà hiệp thần với khí vào nơi bản căn, đặng huàn hư mà thôi lửa. Khá thấy cái công hành trụ khởi chỉ, hết thấy đều dùng ngưng- hiệp ngươn-thần nơi hư-trung, thể thì chẳng gọi: ngưng thần nhập khí-huyết, cũng chẳng khá vậy.

Đến sau cái giờ phục thực đại dục, thì phải lo định giác trong cái hư-cảnh của hang huỳnh-đình. Tuy đã khắp 3600 giờ châu thiên, mà cũng chưa từng một nháy-mắt, một hơi-thở lia chỗ kiết thai. Thế thì chẳng gọi: ngưng thần nhập khí huyết cũng chẳng khá vậy. Nhưng chơn-ý có cái công động tịnh gồm dùng, và cái công chuyên tịnh chẳng động, rất chẳng khá chẳng biết vậy.

- Sao gọi là **công động tịnh gồm dùng**?

- Ở sơ quan (cửa đầu) chơn-ý thể luyện là thuộc động, phong-cổ mộc-dục là thuộc tịnh. Tam niên nhũ bộ chơn-ý xuất thân là thuộc động; về cung huàn-hư là thuộc tịnh. Ấy là công động tịnh gồm dùng vậy.

- Sao gọi là công **chuyên tịnh chẳng động**?

- Ở trung quan (cửa giữa), luyện khí hóa thần, thì chơn-ý định giác trong hư cảnh của hang huỳnh-đình, làm chủ-sự kết thai, chỉ giữ 2 khí cho đặng hữu vô tự nhiên, mà chẳng trước ý nơi cái hữu vô của 2 khí. Khá thấy rằng trong 10 tháng hằng tịnh, mà chưa hằng dời đổi một tóc lông. Ấy là cái công chuyên tịnh chẳng động.

Như luận tới nữa, thì trong tam niên nhũ bộ, huàn-hư đã đến tột chỗ, tuy chơn-ý một xuất một thân, mà thật chẳng trước ý nơi xuất thân, thể thì xuất cũng tịnh mà thân cũng tịnh. Nên gọi đó là cái công chuyên tịnh chẳng động vậy.

- Động tịnh thích nghi (thỏa hợp), thì hiệp với diệu-cơ. Nếu thất chơn-ý, thì cái tẻ ra làm sao? Xin lão-sư xuống ơn dạy cho.

- **Trong giờ luyện tinh**, nếu thất chơn-ý thì không lấy gì vờ cầm 2 khí, mà hiệp thân về định nơi huyền căn, đặng dùng sự huyền diệu của ngươn-dương. **Trong giờ luyện khí**, nếu thất chơn-ý, thì không lấy gì bảo hộ 2 khí về định trong thai, đặng chứng quả thuần dương. **Trong giờ luyện thần**, nếu thất chơn-ý, thì không lấy gì dờn thân về định nơi nê-hườn, cùng răn-dè trong khi xuất nhập nơi thiên-môn, đặng làm cái công nhũ bộ. Nên ta có bài tụng nói rằng:

*Dương khí sanh lai trần mộng tỉnh.
Nhiếp tình hiệp tánh qui kim đánh.
Vận phù tam bá túc châu thiên.
Phục khí tứ thời qui tịnh định.*

*Thất nhứt thiên tâm dương phục lai.
Ngũ long bổng thượng côn-lôn đánh.
Huỳnh-đỉnh thập ngoạt túc linh đồng.
Đánh môn xuất nhập tam niên chỉnh.*

*Khuất chỉ tòng tiền nhị lục công,
Ban-ban chơn-ý vi cang-lãnh,
Cửu niên đã phá thái-hư không.
Thừa loan khóa hạt nhậm du sinh.*

THÍCH NÔM:

*Dương khí lại sanh tỉnh mộng trần.
Giúp tình hiệp tánh về kim đánh.
Làm lửa ba trăm đũa châu-thiên,
Phục khí bốn giờ trong tịnh định.*

*Bảy bữa thiên-tâm dương khí lai.
Năm ròng dựng thánh Côn-Lôn đánh,
Mười tháng huỳnh-đỉnh thai đủ linh.*

Xuất nhập đánh môn ba năm chắn.

*Tinh coi theo trước hai sáu công.
Món-món chơn-ý làm giềng mối.
Chín năm đánh mở thái-hư không,
Cởi loan cởi hạt đua chơi mãi.*

Đại ý của bài tụng này nói rằng: chẳng khá lia chơn-ý làm yếu-vụ. Vậy thì cái công dùng chơn-ý lớn lắm thay! Nhưng phải biết rằng: chẳng nên so sánh, so sánh thì chẳng phải chơn-ý. Phật tông nói: Nghĩ nghĩ tắc quai, giáo lượng tắc thất, (đo lường thì trái, so sánh thì lầm). Lại nói: Tây lai ý, tức là chơn-ý này. Là hiệp với Tiên tông này vậy.

3. BIỆN THỦY NGUYÊN THANH TRƯỚC, CHƠN-ĐƠN, HUYỄN-ĐƠN

Ông Kiết-Vương Thái-Hòa Điện-hạ hỏi: trong Thiên-Tiên chánh-lý trực-luận nói: Nếu chẳng biết phân **tiên hậu thanh trước**, thì chẳng nên thể thủ chơn-khí, là nghĩa làm sao?

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: **Tiên hậu thanh trước**, tức là phân nguồn nước, là chỗ doặng mà biện biệt chơn-đơn với huyền-đơn. (thuốc thiết với thuốc giả)

- Đã gọi rằng đơn, thì đều là lấy tinh chơn-dương làm nên. Mà sao còn phải **phân biệt chơn huyền**?

- Nguồn nước trong đục khác nhau, thì nền đơn chẳng chẳng có cái chơn huyền khác nhau sao? Nếu trúc-cơ (đắp nền) mà giờ mê muội, thì trái với chơn-đơn là thành huyền-đơn. Những kẻ tu luyện qua rồi thường có vậy. Nay tôi vì Điện-hạ mà luận đó: Phạm có niệm lự tồn tướng, tri kiến đồ vẩn, thì đều thuộc hậu-thiên, là chỗ gọi nguồn đục vậy. Dương tinh theo nguồn đục này mà sanh, rồi nhân đó mà thể

phong luyện chỉ, nếu hiệp huyền diệu thiên-cơ, thì trọn thành huyền-đơn, là bởi cái nguồn nước chẳng trong. Nếu vô niệm vô lự, bất thức bất tri đến giờ hư-cực tịnh độc, tức là thuộc tiên thiên, là chỗ gọi nguồn trong. Dương khí theo nguồn trong này mà sanh, rồi nhân đó mà thể phong luyện chỉ, lại gồm huyền diệu thiên cơ, thì thành chơn-đơn, là bởi cái nguồn nước đặng trong vậy.

Phàm dương-tinh theo nguồn trong sanh, thì phải hái mà nấu. Nếu dương-tinh theo nguồn đục sanh, thì phải bỏ đi, chẳng khá hái lấy. Quả hay huờn-hư trong buổi ban sơ, mà thể thủ dương tinh, thì ắt thành chơn-đơn, thì tự nhiên không lo huyền-đơn. Cổ-nhơn nói: “Luyện được tiên tu học luyện tâm”. Thật là có cái gương nơi nguồn nước phải cho trong vậy. Trái bửu-châu ở trong bàn tay của Phật A-Di-Đà, tức là cái đơn này vậy, tên là hột bồ-đề. Lại có tên là: Xá-lợi-tử.

Phật tông nói :”Tâm trực bất thanh phi bồ-đề chủng” Nghĩa là: Tâm đục chẳng trong, là chẳng phải giống bồ-đề. Là hiệp với Tiên tông này vậy.

4. HỎA TỨC HẬU. CHỈ HỎA HẬU THỂ ĐẠI DƯỢC

Ông Thái-Hòa Điện-hạ nghiêm chỉnh áo mào lạy rồi đứng bên phía tây hỏi rằng: Trong Trục-luận chỗ gọi 300 châu-thiên, phải còn có số phần dư tượng-nhuận, mới đủ đồng với một giờ máy huyền-diệu. Nói 300 giờ này cái ý-chỉ làm sao?

Đức-Ngũ-Tử đáp rằng: Đó là nói cái giờ lửa đủ vậy. Người muốn biết cái giờ lửa đủ, là tại đặng cái châu-thiên của huyền-diệu cơ, đầy 300 hạng số. Chỗ gọi 300 châu-thiên ấy là 300 hạng số diệu dụng của châu-thiên.

Phàm làm cái lửa **tiểu-châu-thiên**, thì có kẻ giỏi nơi làm lửa. Kẻ giỏi nơi làm lửa, thì nguồn nước thật trong, hái niệm đúng phép, nấu thôi hợp chừng, lòng chẳng tán-loạn, ý chẳng hôn-trâm, lấy đến 300 số hơi hỗn hiệp, thần khí trước sau suốt thông, ấy là một châu-thiên, thì là đặng máy huyền-diệu của châu thiên. Kẻ chẳng giỏi làm lửa, hoặc nguồn nước hết thấy đục, hoặc hái niệm trái phép, nấu lửa lồi chung, dùng ý hôn-trâm, tán-loạn, lấy 300 số hơi, đứt mà lại nối, thần-khí chẳng đều, khi lìa khi hiệp. Ấy là một châu-thiên, mà là mất máy huyền-diệu của châu-thiên vậy. Trừ các châu thiên mất huyền-diệu cơ chẳng kể bỏ ngoài, kể nội các châu-thiên đặng huyền-diệu cơ phải đầy 300 hạng số giờ số, mới làm cái giờ lửa đủ, cái giờ thôi lửa. Ấy là số chứa ở trong. Còn có cái cảnh qui rút cổ chẳng cất, và cái cảnh dương-quang 2 lần hiện, đều là cái giờ lửa đủ, cái giờ thôi lửa. Ấy là hình chứng ở ngoài. Cho nên Phật tông có câu: (Đạo khước môn tiền sát can trước) nghĩa là: Xô ngã cột cờ trước cửa chùa. Lại có câu: (Hữu thành tự như-lai mã âm tàng tướng) nghĩa là: Có thành Phật như-lai, thì âm ngựa giấu hình. Đều là cái chứng rõ ràng: con qui rút đầu chẳng cất vậy. Lại có câu: Bửu-Thắng như-lai phóng quang động địa. Cũng là cái chứng rõ ràng: khi dương-quang phát hiện.

Hỏi rằng: Cái giờ **dương-quang phát hiện**, thì nó theo chỗ nào mà hiện ra?

Đáp rằng: Giữa hai chơn mây gọi là: minh-đường là chỗ dương-quang phát hiện. Cái giờ dương-quang phát hiện, sáng như điện chớp, trống không sanh trắng ấy vậy.

Đương giờ luyện tinh, mà có cảnh **dương-quang nhứt hiện**, thì giờ này hỏa hậu chưa trọn, dâm căn chưa rút. Nếu gặp dương sanh, thì phải hái nấu, vận một châu thiên, lấy đến nhiều phen, khắp mà lại khắp, tịnh mà lại tịnh, lo cho đến kỳ tròn đầy 300 hạng số diệu-châu-thiên mới thôi. Hạng số đã đầy, thì phải nhập định, đặng dùng hồi dưỡng chơn dương, tịnh mà chờ dương-quang nhị-hiện, thì khá vậy.

Hỏi rằng: Dương-quang nhị hiện là đường nào?

Đáp rằng: Ấy là nơi trong tịnh định, bỗng thấy giữa chơn mày điển-quang chớp sáng trông không sanh trắng, ấy là dương-quang nhị hiện. Chánh là cảnh thôi lửa, giờ thôi lửa. Giờ này 300 hạng số diệu-châu-thiên đứng đủ tròn đầy. **Cổ qui rút chẳng cất** là cảnh ngoài, là thứ lớp hiệu nghiệm chường ra vậy. Đó là trong ngoài 3 việc theo thứ tự mà đến vậy.

Hỏi rằng: 3 việc đã theo thứ tự mà đến, mà kẻ kia lại làm còn làm lửa, là có làm sao vậy?

Đáp rằng: Giờ này cái động khí tuy chẳng chạy bậy ra lỗ thặng, mà sanh-cơ vẫn động ở trong khí căn. Nên khí-cơ phát động hoặc một lần, hoặc hai lần, việc ấy cũng là chỗ hăng có, nhưng kẻ kia tối tâm chẳng biết hễ máy động 2 lần, thì đại-dược khá hái, **cho nên cứ làm lửa nấu thuốc cũng có**, bởi vậy mới có cái hại ngật-ngheo.

Hỏi rằng: Muốn khỏi ngật-ngheo ấy, phải xét các hiệu-nghiệm đã đến, là chỗ cho cái lý phải vậy. Cúi xin Lão-sư từ-bi theo thứ tự ấy mà nói hết lại cho.

Đáp rằng: Trúc cơ đã nên, tinh hóa khí hết rồi, là rất tốt, hạng số tròn đầy, thì lửa đã đủ, đủ chứng có vậy. Thâu cầm cái động khí, ngưng lại thành đơn-dược, **thì dâm căn mới dựng như qui rút cổ**. Đã như qui rút, thì thuốc đã nên, lại đủ chứng có vậy. Lỗ dương-quang đã lấp, không lỗ nào ruông dựng, thì mới dựng **dâm căn dứt không cử-động**. Đã dứt chẳng động, không còn tinh mà luyện nữa, **thì phải thôi lửa**, lại cũng đủ chứng có vậy. Chỗ chứa dương-khí, về hết lại nơi khí-căn thì mới **dựng dương-quang nhị hiện**. Dương quang đã hiện lần thứ hai, thì **dương-khí đã khá định nơi khí**, lại cũng đủ chứng có vậy. Cho nên hễ dương-quang nhị hiện, nếu có động cơ cũng bỏ lửa đó. Phải lại nhập định, dựng bồi dưỡng cái chơn-dương. Tịnh mà chờ dương-quang tam hiện, thì tốt vậy. Là do nơi trong định tịnh mà bỗng có điển-quang chớp sáng giữa chơn-mây, trông không sanh trắng. Ấy là **dương-quang hiện lần thứ ba**.

Chơn-khí đã đoàn-tụ, đại-dược dựng thuần kiên, thì mới dựng dương-quang tam hiện. Dương-quang đã hiện lần thứ ba thì khí căn ở trong đã có, đại-dược khá hái, lại đủ chứng có vậy. Vậy thì phải thôi lửa từ dương-quang nhị hiện làm đầu, cho đến dương-quang tam hiện làm đuôi. Cho nên nhị hiện tam hiện đều gọi là cảnh thôi lửa, giờ thôi lửa. Mà dương-quang tam hiện lại còn gọi là **cảnh thể đại-dược, giờ thể đại-dược nữa vậy**.

Hỏi rằng: Làm lửa cho đến dương-quang tứ hiện, thì phải khuynh-nguy, là có sao?

Đáp rằng: Ấy bởi cái lỗi chẳng y phép thôi lửa, nên cứ làm bậy vậy. Phải biết hễ dương-quang tam hiện, là đại-dược khá lấy. Nếu làm lửa đến dương-quang tứ hiện, thì đại-dược đã khá định ấy ắt theo cái lửa chẳng định nọ mà tràn ra nơi ngoài, hóa làm cái tinh hậu-thiên hữu-hình. Há chẳng nên giữ-gìn thay! Phật tông nói: “Đức Như-Lai khéo giữ trái bầu-châu, cho nên tự-nhiên phóng hào-quang có chừng” Hợp với tông này.

5. THẤT NHỰT THỂ ĐẠI-DƯỢC THIÊN-CƠ

Ông Kiết-Vương Thái-Hòa Điện-hạ hỏi rằng: Trong Thiên-Tiên chánh-ly trực-luận chỗ gọi: **Bảy ngày miệng trao thiên-cơ dựng lấy đại-dược**. Đệ-tử chưa rõ đại-dược làm sao phải lấy đến 7 ngày vậy? **Đức-Ngũ-Tử đáp rằng:** Cái giờ dương-quang tam hiện, cái chơn-khí thuần dương đã nhóm ở trong đánh, nhưng mà còn ẩn chẳng ra. Phải dùng 7 ngày công mà lấy, thì mới thấy trong đánh trái hỏa châu thành hình. Nhưng hỏa châu động ở trong, sanh ở trong chẳng chạy ra ngoài, nên đặt tên là **chơn duyên nội dược**, lại cũng kêu là **Kim-dịch huòn-đơn**, lại có tên là **Kim-đơn đại-dược**. Tên lạ tuy nhiều, mà chính có một chơn-tinh mà thôi. Ấy là cái nghĩa của cái thuyết: Dương-khí tức thất nhựt lai phục vậy.

Lại hỏi: Còn phép **thể đại-dược-thiên-cơ**. Xin Lão-sư xuống lòng từ-bi dạy rõ.

Đáp rằng: Theo buổi mới lấy đại-dược mà nói thì cái lửa hô-hấp tự-nhiên vận chuyển ở trong. Để lửa vận chuyển tự-nhiên, dứt chẳng trước ý nơi lửa, cũng chẳng đem ý theo lửa, thì mới hợp cái lửa huyền-cơ. Giờ này dùng lửa cũng như giờ nhập định, mà lo dùng cái công sáng của song mâu (cặp con người). Cho nên ban ngày thì dùng yển-sáng của song mâu mà lo xem trung-điền, còn ban đêm thì dùng yển-sáng của song mâu mà giữ cầm chẳng bê trễ. Đường ấy dùng mà lấy đại-dược, thì đại-dược bèn sanh. Âm-phù kinh chỗ gọi: Cơ tại mục, nghĩa là cái huyền-cơ ở nơi con mắt, là đây vậy.

Hỏi rằng: Cái thiên-cơ đã rõ, nhưng thể đại-dược, **cái lý do làm sao mà đặng sanh**, còn xin dạy bảo.

Đáp rằng: Thể đại-dược, cái lý bởi đâu mà đại-dược đặng sanh, thì có bốn thể nói vậy: Dùng giao cầu mà sau sanh, dùng câu dẫn mà sau sanh, dùng tịnh định mà sau sanh, dùng hơi định mà sau sanh.

Hỏi rằng: Sao gọi **giao cầu mà sau sanh**?

Đáp rằng: Ngươn-thần trong tâm là thuộc hỏa vô hình. Ngươn-khí trong thận là thuộc thủy vô hình. Cái hòa-thần vô-hình trong tâm, nhân có con-người lo xem, mà đặng ngưng nơi trên, thì cái thủy-khí vô-hình trong thận tự-nhiên xông-riêm bay lên mà giao cầu với ngươn-thần, mà trên dưới không ngăn cách nhau. Thủy-hỏa vô-hình đã giao-cầu ở trên rồi, thì khí thuần-dương chứa lâu tự-nhiên vậy nên đại-dược, như hình trái hỏa-châu mà phát lộ nơi dưới vậy, cũng như Trời Đất xông-vây mà muôn vật hóa sanh vậy. Bởi cái vô-hình mà hay sanh cái hữu-hình là lý tự-nhiên. Cổ-nhơn nói: “Huyền hoàng nhược dã vô giao cầu, chầm đặc dương tùng khảm hạ phi”. Nghĩa là: Đen vàng (Thiên địa, âm dương) bằng vậy không hiệp thương, thì khí dương cung khảm bay đặng đâu. Tức là nghĩa này vậy.

Hỏi rằng: Sao gọi câu **dẫn mà sau sanh**?

Đáp rằng: Cái yển sáng của song mâu là chỗ ngụ của chơn-ý trong thân. Chỗ yển-sáng con người soi đến, thì chơn-ý sanh. Chơn-ý thuộc thổ. Thổ là huỳnh-bà ở trung cung, tức là kẻ mai-ước để mà câu dẫn (dắt đến). Huỳnh-bà câu dẫn ở trên, thì đại-dược tự-nhiên theo nhau mà hiện ra ở dưới. Cổ-nhơn nói: Trung cung thai tức hảo huỳnh bà. Tức là nghĩa này vậy.

Hỏi rằng: Sao gọi **tịnh định mà sau sanh**?

Đáp rằng: Ngươn-thần nhân mâu quang (yển sáng của con người) chuyên xem, về ngưng nơi ngôi cũ ở trên, mà đặng cái máy định, thì ngươn-khí cũng về ngưng nơi ngôi cũ ở dưới, mà đặng cái máy định, là thần khí đều đặng máy định. Bởi nơi đây mà ngươn-khí nên hình, nhân có định mà sanh động, mà động ở trong, sanh ở trong mà thôi vậy. Cổ-nhơn nói: Thể chơn duyên ư bất động chi trung. (Lấy chơn-duyên ở trong chỗ chẳng động). Lại nói: Chẳng định thì dương-khí chẳng sanh. Tức là nghĩa này vậy.

Hỏi rằng: Sao gọi **tức (hơi thổ) định mà sau sanh**?

Đáp rằng: Ấy là lửa hậu-thiên tự nhiên vận-chuyển, mà mỗi khi phải đặng cái máy định vậy. Tiên thiên khí của ngươn-thần, nhân bởi mâu quang chuyên xem, mà đặng cái máy định nơi trên dưới của ngôi-cũ, thì lửa hậu-thiên tự-nhiên vận chuyển, cũng nhân cái máy định của thần khí, mà có chỗ về ngưng, thì tự-nhiên mội định, nơi khí căn, mà dưới trên xây vậy. Chơn-tức một lần đặng định, thì đại-dược tự-nhiên sanh. Nghĩa là chơn-tức chẳng định, thì đại-dược ắt chẳng sanh vậy. Cổ-nhơn nói: “Định tức thể chơn-duyên”. Tức là nghĩa này vậy. Ấy là 4 thể-nói vậy. Đều dùng mâu quang và vờl cảm, cho nên cái lý đại-dược sanh là như vậy đó. Xưa Đức Khuru Lão Tổ Sư của ta có truyền một bài kệ nói:

*Kim-đơn đại-dược bất nan cầu,
Nhứt thị trung-điền dạ thủ lưu,
Thủy hỏa tự giao vô thượng hạ,*

Nhứt đoàn sanh ý tại song mâu.

THÍCH NÔM:

Đại-dược kim-đơn chẳng khó cầu,

Trung-điền ngày ngó tới gìn lâu.

Khí thần hội hiệp không trên dưới,

Nhờ cập con-người đặng nhiệm mầu.

Nghĩa đúng thay! Bài kệ này vậy. Phải biết rằng trước giờ đại-dược sanh, thì có lục căn chân động (rền dậy), như sau đây:

<i>Đơn-điền hỏa châu</i>	<i>Đơn-điền có hỏa châu,</i>
<i>Lưỡng thận thang tiên,</i>	<i>Hai thận như nước nóng,</i>
<i>Nhãn hữu kim quang,</i>	<i>Con mắt tựa sáng vàng,</i>
<i>Nhĩ hậu phong sanh,</i>	<i>Sau lỗ tai sanh gió,</i>
<i>Não hậu tỵ minh,</i>	<i>Sau óc chim kèn kêu,</i>
<i>Thân đũng tử suất</i>	<i>Mình thì nhảy mũi thì hít.</i>

Hễ có các hiệu-nghiệm ấy, thì đều đặng cảnh đại-dược sanh, theo thứ lớp mà hiện ra. Nếu thể dược đến năm sáu ngày, chơn-ý đặng một định, thì đại-dược đã sanh. Cho nên cái kỳ 7 ngày, cũng lấy đại-khái mà nói đó. Phật tông nói: Thiên nữ biến huê. Lại nói long nữ hiến châu. Hợp với tông tiên này vậy.

6. ĐẠI DƯỢC QUÁ QUAN PHỤC THỰC THIÊN CƠ

Ông Kiết-Vương Thái-Hòa thích huyết thể trời làm lễ bốn lạy rồi quì mà hỏi rằng: Bảy ngày thể đại-dược thiên-cơ, đã mong ân-sư truyền trao. Nhưng trong Thiên-Tiên chánh-lý trực-luận chỗ gọi: Đại-dược quá quan phục thực (qua cửa uống ăn) có bí pháp **ngũ long bông thánh**, đệ tử chưa phân biệt cái nghĩa dùng huyền-diệu là làm sao. Cúi mong Đại-Bi cắt nghĩa giùm cho minh bạch.

Ông-Ngũ-Tử đáp rằng: Thầy Tiên phái trước có cái bí chỉ quá quan, nên mượn việc ông Huyền Đế xả thân đắc đạo mà thí-dụ. Bởi vậy mới thí-dụ lấy số 5 là thô số. Chơn-ý thuộc thô. Long là ngươn-thần, làm cái thể của chơn-ý. Chơn-ý làm cái dụng của ngươn-thần.

Vã chẳng thể dụng nguyên chẳng lia nhau, nên nói rằng: Ngũ long bông Thánh là thí dụ đại-dược. Dụng chơn-ý dụng đại dược qua cửa, nên gọi là: ngũ long bông thánh vậy. Trong ấy có công giúp quá quan phục thực.

Trước đã nói rõ ở trong ba lần khẩu truyền rồi, nay chẳng cần lập lại. Bởi kẻ đồng-chơn cùng người mới lọt tinh một lần, thì phải dùng cái công giúp quá quan phục thực, còn kẻ lọt tinh đã nhiều lần chẳng cần dùng cái trợ bông này, mà phải dùng cái chánh-công quá quan phục thực vậy.

Hỏi rằng: **Cái chánh công thiên cơ** xin thầy chỉ rõ.

Đáp rằng: Chỉ thiên-cơ cho Điện-hạ, thì Điện-hạ hãy thận-trọng lấy. Nay vả lấy cái giờ đại-dược mới sanh mà nói: là nhân thuốc đã gom chứa nhiều phiến, mới đặng hình như hỏa châu. Ấy là tiên thiên khí thuần dương, hay sanh lửa của hậu thiên chơn tức. Lửa với thuốc cũng đồng một gốc mà sanh. Cho nên nói thuốc chẳng nói lửa, mà lửa tức ở trong ấy vậy. Đại-dược phát sanh chẳng nương theo vóc ngoài, chỉ động trong khí huyết mà thôi. Phải biết rằng: ở dưới khí huyết là giới-địa của vĩ-lư, có thông với 4 đường-lỗ. Trên thông với tâm-vị, trước thông với dương-quan, sau thông với vĩ-lư cốc đạo. Dương-quan vĩ-lư 2 lỗ, mỡ đặc, hô-hấp chẳng thông. Cốc đạo lỗ này trống và đã thông, ấy là con đường quen của khí-dịch (hơi và nước dãi). Khí-dịch quen đường, ấy là việc cũ của ngày thường, nên trong Trực-luận có 4 chữ: thực lộ cựu sử (Đường quen việc cũ) là chỉ đường cốc đạo mà nói vậy. Vĩ-lư cốc đạo, một lỗ đặc một lỗ trống, nên đặt tên là: hạ-thước-kiều. Cái cửa trên cửa vĩ-lư là cửa giáp-tích, đến ngọc-châm là ba cửa, cùng ấn đường kia trên lỗ mũi, mỡ đặc đều lấp, hô hấp chẳng thông. Dưới mũi 2 lỗ, trống mà vã thông, ấy là con đường của hô hấp qua lại. Ấn đường với lỗ mũi, một cái trống một cái đặc, nên đặt tên là thượng thước kiều. Đã rõ quan khiêu rồi, thì cái công phòng nguy lự hiểm rất chẳng khá chẳng biết vậy.

Hỏi rằng: Đệ tử muốn nghe cho rõ **cái công phòng lự nguy hiểm**.

Đáp rằng: Cái giờ đại-dược gần sanh, thì trước có cái cảnh: lục căn chân-động. Lục căn đã chân động rồi, tức là lục căn chẳng lọt, thì mới đến sanh cơ. Sau khi đại-dược đã sanh thì phải dời lên trung điền, đặng điểm hóa âm-thần. Trước lo triền-vận cái hà-xa mà siêu thoát. Lục căn rất phải chẳng lọt, đặng giúp mà vận hà-xa, nên ở dưới dùng mộc-tòa mà bít ngăn lỗ cốc-đạo, đặng cho **thân căn** chẳng lọt, ở trên dùng mộc-giáp mà niêm chặt lỗ-mũi đặng cho **tỷ-căn** chẳng lọt. Ngăn cái yển sáng của con mắt đừng cho xem ngoài, đặng cho **nhãn-căn** chẳng lọt. Ngừng sự rấp vắn của lỗ-tai, đừng cho nghe ngoài, đặng cho **nhĩ-căn** chẳng lọt. Nhứt niệm bất sanh, nhứt trần bất nhiễm, đặng cho **Ý-căn** chẳng lọt. Răng môi hiệp nhau, lưỡi đụng ở gà, đặng cho **thiệt-căn** chẳng lọt. Lục căn đã chẳng lọt, thì khá gọi phòng nguy lự hiểm rất nhứt vậy. Tuy vậy mà còn chưa tránh khỏi, giờ đại-dược mới sanh trong khí-huyết, day động thông thỏa, bèn hay bay lên, mà vào trong tâm-vị, tâm-vị chẳng chứa, bèn xây xuống giới-địa hạ-diền, mà trước phá dương-quan. Dương-quan đã đóng, bèn xây động lại sau mà phá vĩ-lư. Vĩ lư chẳng thông, phải tự mình xây động do vĩ-lư mà chạy xuống cốc-đạo. Cốc-đạo dễ mở, đại-dược lọt ra, thì công trước bỏ hết. Ấy là sự nguy hiểm của hạ-thước-kiều vậy, tức là chỗ hai ông Khuru-Tào chon-nhon tẩu đơn vậy. **Nên phải lo dùng mộc-tòa**, hình như đầu bánh-ú, bao gòn cho êm, **ngồi bít lỗ cốc-đạo**, cho có thể núng lên, cho đại-dược chẳng chạy xuống đặng. Đã làm có vật giữ chặt ở ngoài, lại có phép giữ chặt ở trong: khi đại-dược đã phá vĩ lư chẳng thấu, bèn lại chuyển động chạy xuống cốc-đạo, mà thấy thể vừa chạy xuống, thì phải nhẹ-nhẹ nhú lỗ cốc-đạo, đặng ngăn-cắm đó. Ấy là phép giữ chặt ở trong rất nhứt vậy. Trong ngoài giữ gìn nghiêm-nhật dường ấy, mới hay bảo toàn đại-dược, chẳng đến chạy xuống cốc-đạo. Hồi đại-dược đến vĩ-lư gặp ngăn-trở mà chẳng động, giờ này nếu dùng chon-ý dặt qua, thì thuộc đạo dẫn bàng-môn. Còn chẳng dùng ý thì lỗi nơi cái máy xương-tủy. Cho nên có cái chánh công khéo dẫn vậy: Vừa thấy đại-dược gặp ngăn-trở chẳng động, thì nhứt ý bất sanh, ngưng thần bất động. Động mà sau dẫn. Chẳng khá dẫn mà khiến động. Bỗng lại thấy tự-nhiên động

phá cửa, thì theo cái động ấy, cho có cái vi-ý lưỡng tương tri. Nhẹ-nhẹ dặt lên, thì tự nhiên đưa qua vĩ-lư mà đến giáp tích. Cửa trước 3 lỗ, mở ngăn chẳng thông. Đại-dược gặp ngăn-trở chẳng động, thì phải nhứt niệm bất sanh, ngưng thần bất động, dùng chờ nó động. Bỗng lại tự-nhiên động phá cửa, thì lập tức theo cái động-cơ của nó, và cho nó cái vi-ý hai đàng biệt nhau. Nhẹ-nhẹ dặt lên, thì tự nhiên đưa qua Ngọc Châm, ruông thẳng đến đánh môn, day qua trước dặt xuống đến án đường. Án đường mở ngăn chẳng thông, bèn chuyển động mà chạy bậy xuống lỗ trống của lỗ mũi. Nếu chẳng có mộc-giáp mà làm ông khóa khóa cửa, thì bao giờ mà chẳng tra tan mất. Hễ ra thì tiền công phé hết. Ấy là sự đại nguy hiểm của Thượng Thước Kiều. **Cho nên sự dùng mộc-giáp, chẳng khá chẳng dự phòng vậy.** Dự phòng có mộc-giáp, thì đại dược chẳng đến chạy ngoài lỗ mũi. Đến đặng án đường gặp ngăn-trở mà chẳng động, thì phải nhứt ý bất sanh, ngưng thần bất động, dùng chờ nó động. Bỗng nó tự nhiên lại động, thì theo cái động cơ của nó, mà cho có vi ý (một chút ý) hai đàng biệt nhau. Nhẹ-nhẹ dặt xuống, thì tự nhiên đưa qua án đường xuống dưới thập nhị trùng lầu, dường như uống ăn. Ất phải vào đơn điền, nơi trong thần thất, mà điểm hóa âm thân, làm kiên khôn giao cầu, bởi thông trung hạ nhị điền, nên hiệp mà làm một ấy vậy. Ấy là cái chánh công của phép quá quan phục thực.

Xưa trong tông chúng ta, Đức Khuru Tổ Sư có truyền xuống một bài kệ:

*Kim đơn sung thượng cán thiên can
Hà hoạn trở kiều hựu trở quan.
Nhứt ý bất sanh thần bất động,
Lục căn bất động dẫn tuần hườn.*

THÍCH NÔM:

*Kim đơn lên trên cật thiên can,
Nào sợ cản kiều với cản quan.
Một tướng chẳng sanh thần chẳng động.
Sáu căn chẳng lọt dặt xây vắn*

Cao diệu thay! Lời kệ này.

Hỏi rằng: Cái chánh công quá quan đã mong ơn lão sư dạy rõ.

Nhưng cái nghĩa nói: **Cán thiên cang ở trong trời, còn xin giải rõ.**

Đáp rằng: Thiên cang có một tên là trung huỳnh tinh, một tên là đầu bính, một tên là thiên tâm. Ở trên trời thì làm thiên tâm. Ở nơi người thì làm chơn ý. Đại được nương cái chuyên triền của chơn ý mà lên xuống nơi thiên luân, mượn cái cán vận của thiên tâm, mà tuần hoàn. Đều là một lẽ vậy.

Phải biết rằng: cái giờ mới dùng mộc-tòa mà ngăn bít đường cốc đạo, thì nhờ cái thể nó núng lên, cho nên đại được chẳng chạy xuống cốc đạo, mà phá vĩ lữ chẳng phủng mà cũng chẳng lọt ra ngoài đặng. Thế thì chẳng cần nhẹ nhúu đường cốc đạo, chỉ dùng cái chánh công quá quan mà thôi. Nhưng chánh công quá quan, có cái máy hành trụ, phải xuôi theo tự nhiên mà làm huyền diệu. Phật tông nói: vị hữu thường hành nhi bất trụ. Vị hữu thường trụ nhi bất hành. Hợp với tông này vậy.

--oOo--

7. THỦ TRUNG

Ông Kiệt-Vương Thái-Hòa Điện-hạ hỏi rằng: Ở trong Thiên-Tiên chánh-lý trực-luận chỗ gọi: Muốn đem khí này luyện mà hóa thần, thì phải đem khí này hiệp với thần mà luyện. Đệ-tử con đại-ngu, xin thầy mở đường còn bị tranh láp. **Làm sao phải hiệp khí này với thần mà luyện vậy?**

Đức-Ngũ-Tử đáp rằng: Đã lấy đặng Kim-đơn đại-được mà xây ngược hà-xa vào trong thân-thất rồi, mà nếu thân quang lỗi soi, thì đại-được lỗi phép phối ngẫu (sánh đôi) mà nghiêng xây, nên phải lấy ngưng-thần làm chỗ qui-y (về nương) cho đại-được, lấy đại-được làm phép điểm-hóa cho ngưng-thần. Cùng nhau lạng soi chẳng lia, thì dương-khí bèn hay siêng-siêng phát sanh, mới cùng

chơn-ý dất nhau vào thần-thất, cho ngưng-thần đặng bồi dưỡng dùng mà luyện nhau.

Hỏi rằng: sao gọi là đem khí này luyện mà hóa thần?

Đáp rằng: Đại được đặng cái thể của lửa mà dất nhau vào thần-thất, thì hay điểm hóa cái âm-thần ở trong thân. Âm-thần nhờ đại-được mà mọp xuống, chẳng dấy niệm lự, lại hay bồi-dưỡng cái dương-thần ở trong thân, thì dương thần càng thêm sáng khí dương, mà sự mê ngủ đặng trọn không. **Như thế, chẳng gọi luyện khí hóa thần thì chẳng khá vậy.**

Hỏi rằng: Trong Trực-luận đã nói: Phục khí nơi trong đơn-điền khí-huyệt mà kết thai. Sau chánh văn lại nói: Đại-được xây về huỳnh-đỉnh là chỗ kết thai. Đệ-tử gọi khí-huyệt là hạ-điền, huỳnh-đỉnh là trung-điền. **Sao nói chung là chỗ kết thai mà có riêng một cái tên nhị-điền vậy?**

Đáp rằng: Hồi mới làm cái lửa đại-châu-thiên ngưng-thần tuy ở trung-điền, nhưng cũng xây hiệp hạ-điền. Hai khí lấy làm diệu dụng, **thì ngưng-thần ắt lạng mà soi nơi trung hạ-điền**, cùng nhau vậy trộn, hóa nên một cảnh-hư không, đặng cho hai khí giúp thần kết thai. Cho nên nhị-điền đều là chỗ thần thai ở. Nếu giữ nơi một-điền, thì thần có chỗ ngăn-trở, mà mất dùng cái gương trí lớn tròn vậy.

Hỏi rằng: Trong Trực-luận chỗ gọi: **cái lý thủ trung** dám xin dạy rõ.

Đáp rằng: Trung ấy là chẳng phải trong giữa đó mà gọi là trung. Mà chỗ hư không đó gọi là trung. Thủ ấy là chẳng phải buộc giữ đó, mà gọi là thủ. Mà đến chỗ rất trống đó, gọi là thủ. Thủ trung nghĩa là chẳng trước ý nơi nhị-điền, tức là chỗ gọi: ngưng thần tịch chiếu (lạng soi) nhị-điền mà làm nên một cái hư cảnh vậy. Bởi vậy cho nên, cái thể của phép hay giữ ấy là: nhứt niệm bất sanh, tịch nhiên bất động, giữ thẳng đến cái giờ mà sự ăn cùng cái mạch cả hai đều dứt, mê-ngủ trọn không mà cũng chẳng dây-phút lia nơi

tịch-chiếu vậy. Cái dụng của phép hay tịnh ấy là: linh quang bất muội, chiếu thoát trần căn, giữ đến 2 khí đều không, niệm vô sanh diệt mà cũng chẳng giây-phút lìa nơi tịch-chiếu vậy. Từ đây về sau, thì thể dụng chẳng phân biệt, tịch chiếu đồng dùng. Bởi vậy mới trọn cái công-lo thiết-yếu 10 tháng dưỡng thai, là đường ấy.

Hỏi rằng: Trong Trục luận nói: **Thai tức**. Lại nói: **Chon-Ý**. Xin thầy mỗi mỗi nói rõ cho.

Đáp rằng: Nơi cửa 10 tháng, có phép tịch chiếu của ngươn-thần, dùng làm chủ cầm 2 khí. Nên nói: Thai có sự vận hành của 2 khí, dùng mà giúp nuôi ngươn-thần, vậy mới gọi rằng: thai tức. Còn không có sự vận dưỡng của 2 khí, và thai thần trọn về đại định, cho nên nói: rằng: chon-ý.

Hỏi rằng: Còn cái hỏa hậu của đại-châu-thiên xin Lão-sư nói lại giùm cho rõ.

Đáp rằng: Sau giờ uống ăn đại-duộc, tam quan cửu khiêu mấy chỗ ngăn-trở, đã mở thông hết. Phải biết rằng từ đây về sau 2 khí cần sống, thì tự nhiên vận động nơi trong con đường đã ruồng, uống ăn nơi trong hư-cảnh của nhị-điền, mà bồi dưỡng cái ngươn-thần kia. Nên nó một lên, một xuống, tuần hườn bất dĩ, (xây vắn chẳng thôi) mà cũng tự-nhiên nhi nhiên ấy vậy. Khá thấy rằng cái lửa giờ này, là cái lửa chẳng dùng ý dẫn. Lửa đã chẳng dùng ý dẫn, lại há nên trước ý nơi lửa cho trệ-ngại sự đại định của ngươn thần sao? Vậy phải chẳng thấy có hình lửa, mới hiệp với cái **văn-hỏa bất hữu bất vô, mà làm cái hỏa-hậu của đại-châu-thiên**. Nhưng chẳng phải ngươn thần tịch-chiếu nơi hư cảnh của nhị-điền mà thôi, lại phải đặng 2 khí siêng-siêng phát sanh, xây nuôi chẳng dứt, có nơi đây vậy.

Hỏi rằng: 10 tháng cửa giữa, có cảnh nghiệm phát hiện trải qua mấy tháng, xin nghe cho rõ.

Đáp rằng: Giờ mới nhập định, **giữ định 3 tháng**, thì cái động cơ của 2 khí rất ít. Nhưng chỉ động ít-ít nơi trong hư cảnh ở chung

quanh rún mà thôi. Bằng giữ định đến **bốn năm tháng** thì hai khí nhân sự tịch chiếu của ngươn thần, mà đặng đến **hết ăn hết uống**, và đều về nơi định cơ. Ngươn thần nhân sự bồi dưỡng của 2 khí, mà đặng dương khí sáng chẳng tối, và chứng đặng chơn-hư. Hai khí đều định, thì tánh ăn đã dứt, còn một mình ngươn thần tịch chiếu, đặng làm chủ sự của thai tiên. Bằng giữ định đến **bảy tám tháng**, thì chẳng những **tâm** bất sanh diệt, mà hôn thụy toàn vô (mê ngủ trọn không). Lại nếu **giữ định đến tám chín tháng**, tịch chiếu đã lâu, thì trăm mạch đều dùng. Lại nếu giữ định đến **10 tháng**, thì là ngày giờ thuần dương, thần qui đại định. Nơi đây định hay sanh huệ, thì tự nhiên có hiệu-nghiệm của lục thông. **Lục thông** ấy là: **Lậu-tận-thông, thiên-nhãn-thông, thiên-nhĩ-thông, túc-mạng-thông, tha-tâm-thông, thần-cảnh-thông**. Trong giờ luyện tinh trước, đã có một thông lậu-tận. Đến đây sau mới có cảnh nghiệm của 5 thông.

Với Thiên-nhãn-thông, thì hay thấy những việc trên Trời. Với Thiên-nhĩ-thông, thì hay nghe lời nói trên Trời. Với túc-mạng-thông, thì hay biết những nhân-do tiền thế. Với tha-tâm-thông, thì hay hiểu những sự vị-lai. Mà chính một cái thần-cảnh-thông, là thuộc thức-thần dụng sự. Nếu chẳng giữ gìn kèm chế tâm-quân, tức phải bị thức thần sai khiến. Bỏ chỗ mình hay tu hay chứng, mà vui mừng cái cảnh ma, thì ma đã vào nơi tâm rồi. Do đây mà mừng nói sự họa-phước của nhơn-gian, mừng nói những sự-cơ vị lai, thì tai-họa chẳng kịp xây gót (mau lăm) mà đến vậy. Nhưng đây có huệ mà chẳng dùng, thì hay chuyển thức-thần làm trí huệ, mới hay chứng quả thai viên. Cổ-nhơn nói: Trong 3.000 khắc không gián đoạn (xen hở) đi-đi ngòì-ngòì chuyển phân minh. Chỗ do phát minh 10 tháng dưỡng thai là tại nơi cái công khẩn khít lặng soi mà thôi.

Hỏi rằng: Trong Trục-luận lời chú-giải chỗ gọi: Các ngôi **mẹo đậu tí ngộ**, là ngôi mộc-dục. Nên sơ-quan (cửa đầu) giờ huyệt-tý thì có dùng mộc-dục. Lấy đầu ở trung quan (cửa giữa) **10 tháng cũng**

Có dùng mộc-dục, lại gồm cái cơ phòng nguy lự hiểm? Xin thầy dạy rõ.

Đáp rằng: Ngũ hành mỗi ngôi đều có trường sanh. Như trường-sanh, mộc-dục, quan-đái, lâm-quan, đế-vượng, suy, bệnh, tử, mộ, tuyệt, thai, dưỡng ấy vậy. Dân thân ty hợi là ngôi trường sanh. **Hỏa trường sanh** tại dân thì mộc-dục tại meo, tử (thác) tại dậu. **Thủy trường sanh** tại thân, thì mộc-dục tại dậu, tử tại meo. **Kim trường sanh** tại ty, thì mộc-dục tại ngọ, tử tại tí. **Mộc trường sanh** tại hợi, thì mộc-dục tại tỵ, tử tại ngọ. Cho nên **tý ngọ meo dậu** là ngôi mộc-dục. Cũng là ngôi tử mà chẳng động vậy. Phải biết tủy tâm dịch lự (rửa lòng chùi lo) là việc làm đầu hết trong giờ mộc-dục. Hai khí chẳng động là chánh-công của giờ mộc-dục. Lại phải biết rằng: chon khí huân chung (xông riêm) cũng là cái nghĩa mộc-dục.

Còn phòng nguy lự hiểm, là phòng chẳng đặng **tủy tâm dịch lự**. Nếu chẳng tủy tâm dịch lự, thì khó đặng chon-khí huân-chung, mà đến cảnh hiện 2 khí chẳng động. Nên dùng cái nghĩa mộc-dục cũng ở nơi cái công khẩn-khít lạng soi mà thôi. Trong lời chú của Trục-luận có nói: Muốn biết cái nghĩa dùng mộc-dục, thì phải tra trong ngữ-lục, đặng mà khảo-cứu cho đặng toàn cơ. Chỗ gọi: Nhứt niên mộc-dục phòng nguy-hiêm, ấy cũng là đây vậy.

Hỏi rằng: Có huệ mà chẳng dùng thì mới đặng chứng thai viên. Đệ tử nghe đã rõ. Nhưng cái lý thai viên chứng khác, còn mong nghe cho tường.

Đáp rằng: Vài tháng về trước, nhị khí cu vô (2 khí đều không), thực mạch lưỡng tuyệt (ăn và mạch đều dứt), thì đã có chứng rõ rồi. Thế thì không luận 10 tháng trong cửa hay là 10 tháng ngoài cửa, nếu có một mây trước ý, thì âm khí hợi còn, có một mây niệm tưởng tán-loạn, thì thần chưa thuận-dương. Ất phải giữ cho đến cái giờ hôn trầm tận tuyệt, tán loạn toàn vô, thì thai-thần mới đặng thuận dương quả mãn, thì mới khá gắn vào trong cảnh Thần-tiên. Phật tông nói: **Sơ thiên niệm trụ. Nhị-thiên tức trụ. Tam thiên mạch trụ. Tứ thiên diệt tận định**. Là hiệp với Tiên-tông này vậy.

--oOo--

8. XUẤT THẦN CẢNH. XUẤT THẦN. NHẬP THẦN.

Ông Kiết-Vương Thái-Hòa Điện-hạ hỏi rằng: Trong Thiên-tiên chánh-lý trục-luận, chỗ gọi: Thần đã trọn thuận; bào (thai) đã đầy đủ, ắt chẳng khá cầm lâu nơi thai, thì phải dùng cái phép dời. **Do hạ trung điền mà dời lên thượng-đơn-diên**, cho đặng thêm cái phép tam niên nhũ bộ. Cúi trông Lão-sư, xuống lòng từ-bi dạy cho rõ cái phép này.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Thượng đơn điền có một tên là: Nê-huần-cung, là bồn cung của dương thần lại về. Về lại bồn-cung thì dương-thần chưa tráng-kiên, như anh nhi còn ấu-tiểu ắt phải bú sữa. Cho nên có cái tên: nhũ bộ. Nếu cầm thần ở trong cái tiểu cảnh thượng-đơn-diên, thì mất cái nghĩa-lý của phép huần-hư, rất trái hăng với phép nhũ-bộ vậy. Phải biết cái phép nhũ-bộ là gồm phép toàn-thể tồn-dưỡng và phép đại dụng thâu xuất mà nói vậy.

Hỏi rằng: Làm sao đặng gọi là toàn thể tồn dưỡng?

Đáp rằng: Thiệt cái công toàn thể tồn-dưỡng là chẳng trước ý nơi thượng-đơn-diên, mà để một mình dương-thần tịch-chiêu nơi thượng-đơn-diên mà thôi, cùng nhau vậy-hợp hóa nên một đại cảnh hư-không. Ấy là phép của toàn-thể tồn-dưỡng, tức là cái việc ban đầu của phép nhũ-bộ. Hễ tồn-dưỡng công thuận, thì tự-nhiên có cảnh xuất thần đến. Cảnh xuất thần là hiện thần khá xuất, phải xuất mà chẳng xuất, thì chẳng thoát chẳng siêu, khó vào bậc thánh. Cho nên cảnh xuất thần là chỗ phải biết vậy.

Hỏi rằng: Làm sao là cảnh xuất thần?

Đáp rằng: Tồn dưỡng công thuận, bỗng trong giờ định, thấy giữa không-trung tuyết-hoa sáu tai bay lãng xăng lộn-xộn. Ấy là cảnh xuất thần vậy. Giờ này phải điều thần xuất xác (chế thần ra khỏi

xác). Hễ lần đầu mới ra, thì lập tức thu về. Xuất thì lấy thái-hư làm cánh siêu thoát. Thu thì lấy thượng-đơn-điền làm chỗ tồn-dưỡng. Phải biết: giờ xuất thu thì ít, mà giờ tồn dưỡng thì nhiều. Lại xuất phải mau, chẳng nên lâu, phải gần chẳng nên xa, mới ra một bước thì thu trở vào. Lâu rồi hoặc ra một dặm mà thu trở vào, hoặc đến nhiều dặm mà thu trở về, hoặc đến trăm dặm, ngàn dặm, đều lần lấy ít mà đến nhiều, chẳng khá vượt bực mà đến. Bởi làm sao vậy? Là bởi anh nhi ấu-thiếu nếu mê thất thì khó về. Hoặc có thiên-ma lại thử mà rồi tâm-quân của ta, nên giờ xuất phải cẩn-thận, mới hay bảo-toàn cái toàn-thể hư-không. Nơi trong giờ vắng lại thì cũng làm rồi cái công đại dụng nhũ bộ vậy.

Người xưa nói rằng: Đạo cao nhứt xích, mà cao nhứt trượng. Chẳng những thiên-ma lại thử đạo hạnh, mà còn có thức thần biến hóa khiến vậy. Tóm lại là cần phải bảo-hộ tâm quân làm hơn. Nếu thiệt là giống con Tiên-Phật, tập huần-hư buổi tối-sơ công đặng thuần thực thì linh đài (đạo tâm) yên lặng, chẳng nhiễm một trần, vốn không một vật, thì ma từ đâu lại đặng? Kẻ ấy lại đặng vượt lên trên hết mấy kẻ tầm thường. Nên người tu sĩ phải lấy công tối-sơ huần-hư làm việc gấp vậy. Nếu công nhũ-bộ kia đặng cẩn thận siêng năng, mà huần hư trong 3 năm thì dương-thần mới đặng lão-thành, mới khá đạt địa thông thiên, vào kim-thạch không chi ngăn cản. Phật-tông nói: Mới nên chánh-giác, thì như-lai xuất hiện. Lại nói: Thần hay xuất thai, thì mình làm phật con. Là hiệp với tông này.

--oOo--

9. MẠT HẬU HUỒN HƯ

Ông Kiết-Vương Thái-Hòa Điện hạ hỏi: Trong Thiên-Tiên chánh-lý trực-luận có cái tên: Thượng quan (cửa trên) luyện thần, **cửu niên diện bích**. Cái công mạt hậu huần-hư (Huần-hư sau

chót), chưa xét đặng cái nghĩa luyện thần là làm sao. Xin thầy dạy rõ.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Luyện thần vậy ấy, là gọi không thần khá ngưng vậy. Là bởi giờ thủ trung nhũ-bộ, còn có thần tịch chiếu. Sau đây thì thần chẳng còn biết mình thần, đã lại về vô-cực, vóc chúng hư không. Tuy trải muôn ức kiếp-kỳ, cũng coi như rồi hết cái hằng-tánh, há phải riêng cửu niên diện bích (chín năm tịnh-tánh) mà thôi sao? Nói chín năm ấy, là chẳng qua muốn cho kẻ sơ chứng Phật-Tiên biết cái công huần-hư là công cần-yếu để mà chứng vị Phật-Tiên vậy. Cho nên ở trong chín năm, chẳng thấy có kẻ khá tu đại-đạo vậy, cũng chẳng thấy có kẻ khá chứng Tiên-Phật vậy. Nơi đó thì cùng lòng đều hóa, cùng phép đều quên. Tịch (lặng) đó không chỗ tịch vậy. Chiếu (soi) đó không chỗ chiếu vậy. Lại còn thần nào khá nói vậy? Tuy rằng không thần, há chẳng khá gượng lấy cái tên sao. Nên gượng lấy tên dùng mà lập phép, là nói cái công huần-hư sau rốt vậy. Phật tông nói: Muốn chứng vóc hư-không, dạy kia phép hư-không. Giờ chứng đặng hư-không, là phép không phải không chẳng vậy. Là hiệp với tông này.

PHỤ TIỂU CHÂU THIÊN CA

*Tịnh cực mà động vậy, nhứt dương trở lại.
 Dược sản thần tri vậy, thông rõ diệu quyết.
 Vi dương mới sanh vậy, non thì đừng lấy.
 Dược vật chắc-đặc vậy, trắng rằm sáng đầy.
 Chánh giờ phải lấy vậy, đừng để làm qua.
 Để lâu mong xa vậy, lấy thuốc không thành.
 Khí chạy ra ngoài vậy, thần cũng chạy ra ngoài.
 Thần trở vào gốc vậy, khí cũng về gốc.
 Khí về gần hết vậy, lấy niệm giờ đủ.
 Giờ tý dấy lửa vậy, phải biết rõ ràng.
 Đường nào rằng lửa vậy, hơi thở hậu thiên.
 Đường nào dùng lửa vậy, hà xuống hít lên.
 Dùng lửa huyền-diệu vậy, như không tựa có.
 Làm lửa trong đánh vậy, theo hơi chơn-nhơn.*

Lửa phải có giờ vậy, số hơi ra vào.
 Tên rằng khắc lậu vậy, dùng định giờ luyện.
 Từ tý đến tỵ vậy, 6 dương dùng 9.
 Ba mươi sáu hơi vậy, hái lấy tới lên.
 Từ ngọ đến hợi vậy, 6 âm dùng 6.
 Hai mươi bốn hơi vậy, lui xuống nấu chưng.
 Mẹo dương tám gọi vậy, dương hỏa hợp tới.
 Đậu âm một đục vậy, âm phù hợp dùng.
 Chẳng xuống chẳng lên vậy, cảnh tượng tám gọi.
 Sánh cùng đại châu thiên vậy, có giảm bớt hình.
 Châu thiên ba trăm vậy, trừ số mẹo đậu.
 Ba trăm sáu chục vậy, kể số mẹo đậu.
 Lại thêm năm độ vậy, và một phần tư.
 Cho đủ tượng nhuận vậy, là khắp một vòng.
 Lại về nơi tịnh vậy, y như tám gọi.
 Thần ngưng khí huyết vậy, lại chờ dương sanh.
 Làm đỏ đã lâu vậy, tinh trở làm khí.
 Day gió hỗn hợp vậy, trăm ngày suốt linh.
 Lục căn chấn động vậy, khẩu quyết bảy ngày.
 Dấy đại-châu-thiên vậy, hỏi lại bến đò.

Tông Phật nói:
 Nhiên-Đăng ngày xưa, truyền trao không sai.
 Bởiặng gió thổi lửa, rút sau lại cầm hoa.
 Người nào hiểu phép này, sẽ bị Ca-Điếp cười.
 Là hiệp với tông-Tiên vậy.

Muốn tu tánh mạng không thuyết lạ.
 Toán lại cũng là tinh-khí-thần.
 Giấu chứa chặt-bền dùng tràn lọt.
 Dùng tràn lọt vóc trong chứa khí,
 Ta truyền đạo miệng đọc khẩu quyết.
 Nhớ lại có nhiều phép giữ-gìn.
 Trừ tà đục, đặng thanh lương (trong nhẹ).
 Đặng thanh lương ánh sáng sạch,
 Đơn đài ưa đến thường trắng thanh.
 Nhứt dấu thổ, nguyệt dấu gà,
 Bền có qui xà đánh nọ nhau.
 Đánh nọ nhau, tánh mạng chắc,
 Mới hay trong lửa trở kim liên.
 Gom nhóm ngũ hành dùng điền-đào
 Công hoàn làm Phật với làm Tiên.

Khó khó khó, đạo rất khó!
 Dùng tương kim-đơn là việc nhỏ.
 Chẳng gặp chí-nhơn truyền diệu quyết,
 Dạy không mỗi miệng chót lưỡi khô.

Dễ dễ dễ, đạo rất dễ!
 Dùng tương xá-lợi đặng dễ,
 Chẳng gặp chí-nhơn truyền diệu quyết,
 Không chẳng hậu thiên luyện thần khí.

--oOo--

BÀI CA CỦA TU-BỒ-ĐỀ TỔ SƯ TRUYỀN ĐẠO CHO TÔN-NGỘ-KHÔNG

Hiển-mật viên-thông chơn diệu quyết:

MÔN NHƠN VẤN ĐÁP.

1. **Ông Thái-Hòa hỏi rằng:** Đệ tử mong ơn thầy dạy lấy chơn được-vật. Nhưng còn chưa rõ làm thế nào mới thiết **lấy đặng chơn được-vật?**

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Chơn được-vật tức là chơn-tinh. Cái hậu-thiên giao cấu tinh kia thì chẳng phải chơn tinh. Cái tinh tiên-thiên mới gọi là chơn tinh. Người đời hay nói chơn-tinh, mà chẳng qua lấy hậu-thiên giao-cấu tinh mà mạo nhận làm chơn tinh vậy. Hoặc có ám hiệp cùng giao là tinh cờ mà gặp chơn-tinh một lần như vậy cũng có, nhưng trọn cũng chẳng biết chỗ do làm sao mà đặng huyền diệu vậy. Người đời có theo chỗ tư-tưởng mà sanh tinh, là chỗ gọi giao-cấu tinh ấy vậy, có theo không tư-tưởng mà sanh tinh, là chỗ gọi tiên thiên ngưng-tinh ấy vậy. Nhiều người luyện hai thứ tinh này, mà trọn không chỗ nên, là cũng bởi thế-gian phạm-phu truyền thế-gian phạm pháp vậy. Điện-hạ theo phạm-phu mà học luyện, thì xét coi chỗ không thành, lại lấy thuốc cũng chẳng thật.

Phải biết có phép cao hơn mà làm chơn-được hiện tại vậy. Và không niệm mà đặng làm chơn tinh ấy, là chắc thiết vậy. Tuy có biết chơn-tinh, mà chẳng đặng ngưng-nguyên-thần linh giác dưỡng-ây, thì tinh tuy chơn mà chẳng hay dùng chơn-tinh. Đó là sự huyền-diệu trên trời chỗ cấm bí là thật tại đường ấy. Đặng huyền-diệu này, là thật Phật-Tiên vậy. Hết thấy người đời chỗ chẳng đặng biết huyền diệu, là thật tại đường ấy. Hải thế sơn minh (biển nguyện non thề), mà chẳng dám dễ duôi tiết lậu, là thật tại đường ấy. Đặng huyền diệu này, tức là Phật Thế Tôn vậy. Chẳng đặng huyền-diệu này, mà đàm tông thuyết đạo, thì đều là huyền-vọng hư-ngôn.

Nay Điện-hạ đặng nghe nói rõ đây, thì tinh mới thật được mới thật. Bắt đầu hạ thủ mà thí-nghiệm, thì liền hay hiệp đạo. Hiểu một bước, thì đi một bước. Đi một bước thì vào một bước. Vào một bước thì đặng một bước, thì biết rằng sự huyền-diệu chẳng truyền cho đặng linh-được, cho mau chứng đạo, là chẳng phải người thế kia chỗ đặng biết, chỗ khá kịp vậy. Mà người đời lầm tin đạo là gạt-gẫm, thật khá thương thay!

2. **Ông Thái-Hòa hỏi rằng: Làm sao phân biệt nguồn nước đục trong?**

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Nước là thí dụ chơn-tinh. Trong thuộc tiên-thiên. Đục thuộc hậu-thiên. Nguồn ấy là chỗ do nơi đó mà sanh tinh-khí. Ấy là lời tinh-thiết (thật cao sâu) của Tiên-Thánh dạy người. Nhưng ngặt vì thế-nhơn lầm tưởng rằng lời Tiên-Thánh gạt-gẫm hậu học, nên chẳng dùng biện-biệt trên chữ “nguồn”, chỉ nhọc lòng nơi chữ “trong đục”. Gọi cái tinh vô-hình là thanh, cái tinh hữu-hình là trược. Than ôi! Ấy thật là cái thuyết của giống con Địa-ngục vậy. Chính chẳng biết cái tinh tiên-thiên là muôn tịnh cực mà tự-nhiên động, khí đến đủ mà nguồn bèn trong, thì mới khá gọi là chơn-được vật, và ngưng-nguyên-thần linh giác mới hay hòa-hiệp. Ấy gọi là: lấy sự biết mà hiệp cái biết. (Dĩ giác hiệp giác) Rồi theo đó mà thể thủ, theo đó mà phan luyện, chẳng tưởng thế duyên niệm lự. Dụng công một khắc, thì huỳnh-nha lớn một khắc, mà kim-đơn khá nên, đạo Phật Tiên khá mong.

Nếu niệm tưởng trần duyên, nghĩ nghĩ tập nhiễm, rồi hậu-thiên nhân đó mà sanh, thì tóm thiết là hậu-thiên tư-lự chi thân, làm cho nguồn nước đục, chẳng khá dùng, là bởi chơn-khí chẳng đủ, chẳng để huỳnh nha, mà ắt phải còn sống chết ấy vậy.

Hoặc có nước tuy động mà nguồn cũng trong, mà ngưng-nguyên-thần linh giác tuy biết, mà chẳng chánh biết, bởi đọa nơi trần duyên tập nhiễm, chuyên làm hậu-thiên tư lự chi thân, thì chỗ cảm chẳng đặng thanh chơn, mà dùng nó cũng không lý thành chơn-được. Biện chữ “nguồn” đặng như vậy, thì thuốc mới thật.

- Bởi đâu mà thần biết nước trong đục?

- Trong giờ tịnh định, thần khí hiệp nhưt. Do đây mà tịnh thì thần khí cũng hiệp nhưt, mà động cũng thần khí hiệp nhưt, thời chí thần tri (giờ đến thần biết), thì thần khí đồng động ấy vậy. Động mà chạy ngoài, theo bậy thì làm hai. Động mà chẳng chạy ngoài, còn hiệp nhưt vậy, ấy chẳng phải thật thanh tịnh, thì gọi là chi? Còn ngưng-nguyên-thần một lần chạy, thì tinh khí cũng chạy một lần, ngưng-nguyên-thần một lần nhiễm, thì tinh khí cũng một lần tan. Ấy chẳng phải

trước, thì gọi là gì? Chỗ gọi mở miệng thì sai, nghĩ-nghĩ thì làm ấy, là ý này vậy.

- Thanh-trước mà làm gì?

- Thanh khí ấy, là bản thể của Trời. Muốn làm Thiên-Tiên, ắt phải rõ thanh khí mà hiệp với bản thể của Trời, thì sau mới hay cùng Trời hiệp đức. Nếu có một mảy lông làm mà chẳng đặng huyền-diệu, thì đồng nơi địa-thể (vóc đất) mà hiệp địa đức, chánh là bậc địa-tiên vậy.

Người có chí nơi Thiên-Tiên, chẳng khá chẳng biệch biệt đó vậy.

3. Ông Thái-Hòa hỏi rằng: Thừa luận luyện tinh, thì luyện ngưng tinh. Đệ tử chưa rõ làm sao là luyện tiên-thiên ngưng-tinh?

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Ngưng-tinh ấy, là thân trung vô-hình chi tinh. Lại có tên là ngưng-khí, mà hay sanh có hình. Ẩn trong chỗ tịch-mịch (lặng lẽ). Tĩnh cực nhi động thì sanh tinh. Ấy là cái đạo Thiên-địa tuần hườn tự-nhiên. Lý phải dường ấy. Cho nên do giờ tĩnh cực mà tinh sanh, thì khí đủ, nên mới thành đơn. Còn chẳng dùng giao-cảm tinh ấy, là bởi nơi hai thân xúc nhau, xúc mà tinh sanh là chẳng do tĩnh, thì khí chẳng đủ. Khí chẳng đủ là chẳng phải đơn-bổn, thì chẳng hay thành đơn. Bởi vậy cho nên tinh sanh có giờ, biết đặng cái giờ thật, thì đặng ngưng-tinh. Chẳng biết giờ thật, thì chẳng đặng ngưng-tinh. Ta có một bài thi. Điện-hạ phải hiểu lấy:

*Ngưng-tinh hà có hiệu Phật-Tiên?
Phi hình phi tượng vị phán kiên.
Thái cực tịnh thuần như hữu biệch,
Tiên cơ linh khiêu tại ngô tiên.
Mộng gian diệu giác hườn tu giác,
Thức phá chơn huyền tiện thị huyền.
Thuyết dữ hậu lai tu đạo già,
Tư ngôn bất ngộ uổng đồ nhiên.*

THÍCH NÔM:

*Ngưng-tinh sao gọi Phật cùng Tiên?
Không dạng không hình chưa phán kiên.
Thái-cực tịnh thuần như biệch biệch,
Tiên-cơ linh khiêu đặng xem liền.
Chiêm bao biết diệu phải lại biết,
Hay rõ chơn huyền mới thiệt huyền.
Nói với hậu-lai người luyện đạo,
Lời này không hiểu uổng công siêng!*

4. Ông Thái-Hòa hỏi: Đường nào là được sanh thể-thủ? Đường nào là vận hỏa luyện đơn? Đường nào là thành đạo?

Đức Ngũ-Tử nói: Ta có bài thi như vậy:

*Dương khí sanh lai trần mộng-tinh,
Nhiếp tinh hiệp tách qui kim đánh.
Vạn phù tam bá túc châu thiên,
Phục khí tứ thời qui tịnh định.
Thất nhựt thiên tâm dương phục lai,
Ngũ long bổng thượng Côn-lôn đánh.
Huỳnh-đình thập ngoạt sản linh-đồng,
Vân tiêu giá hạt nhậm du sinh.*

THÍCH NÔM:

*Dương khí sanh lai trần mộng tinh,
Giúp tinh hợp tách về kim đánh.
Xây lửa ba trăm đũa châu thiên,
Phục khí bốn giờ về tịnh định.
Bảy lửa thiên-tâm dương khí lai,
Năm rồng dựng thánh Côn-lôn đánh,
Mười tháng huỳnh-đình để linh đồng,
Cờ hạc lên mây đua chơi mãi.*

5. Ông Thái-Hòa hỏi: Thế non học đạo, có kẻ nói phải điều tức, nên cứ hô hấp mà chẳng thôi, là chướng với đạo mà chẳng thành. Có kẻ nói chẳng cần điều tức, để hô-hấp tự-do chẳng kể đến, là trái

đạo mà chẳng biết phải làm việc nào. Đó đều làm phàm phu ngoại đạo: nghĩ nghĩ làm biết thấy vậy. Đệ tử chưa rõ cái **phép điều tức của Tiên Phật là đường nào?**

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Cái nghĩa điều tức khó nói. Điện hạ tự mình hiểu rồi sau mới khá nói.

- Đã tham ngộ rồi mà chẳng biết nghĩa, nên mới hỏi cho rõ.
 - Điều tức ấy là nghĩa điều phép tán hòa, thổi phù, mộc-dục, ôn-dưỡng vậy. Một hô một hấp là một hơi. Chẳng hô chẳng hấp cũng là một hơi. Hơi đương hô hấp, mà tâm với tức chẳng nương nhau, thì chẳng điều. Còn tâm tức nương nhau, mà lộng vậy đi trễ, chẳng do theo lệnh của chơn-ý, thì chẳng điều. Cổ-Tiên chỗ gọi: điều tức là yếu điều chơn tức tức ấy vậy, là hay do theo cái đạo của chơn-tức. Đi đó mau quá, thì gần nơi lộng là chẳng điều. Đi đó chậm quá, thì theo cái khí hữu tướng, mà phải thành đại bệnh, là cổ-nhơn chỗ gọi chẳng phải luyện khí hô hấp ấy, vậy cũng là chẳng điều.

Hỏi rằng: Phải làm đường nào mà sau mới khá gọi rằng điều?

Đáp rằng: Mau mà chẳng lộng, chậm mà chẳng trễ, và hay do theo đạo chơn-tức, là chẳng thấy thừa có, gọi là vật trợ (chớ giúp) chẳng thấy thừa không, gọi là vật vong (chớ quên), chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải thấy, chẳng phải chẳng thấy, hiệp với tự nhiên, đồng vậy đại đạo! ấy là một hô một hấp, chẳng đặng chẳng đường ấy vậy.

- Còn cái hơi chẳng hô chẳng hấp là đường nào?
 - Chẳng phải nín hơi vậy. Nín thì lỗi chỗ gấp là chẳng điều; Cũng chẳng như người Thiên-tông chỗ nói: “Chuyển mình mưa đặng khí, sau khá gọi ngời thiên” Cái trụ-trượng (ngươn-khí) ấy là chẳng phải cái khí buồng lung vậy. Buồng lung thì lỗi chỗ chẳng biết, là chẳng điều. Cũng chẳng như người Thiên-tông chỗ gọi: “Chưa đặng chỗ non cùng nước tốt, vãi hầu làm bạn sáng giờ qua” thì sau mới hay cảm cái tâm ở một nơi.

- Đường nào là đại dụng?

- Cổ-nhơn nói: Bèn có thiên-nhiên chơn hòa hậu, chẳng cần than củi với xuy-hư (thờ ra). Đường ấy mới phải là tự-nhiên tịnh-định. Tịnh-định chẳng thôi, thì tỷ như mình đã có 100 thước cao hơn người mà còn lặn cho cao thêm một chút nữa. Điều đến lâu mà an. An ấy là hòa vậy. Hòa mà hay xung (lặng). Cái lý xung-hòa đặng, thì chơn tức ở trong. Vốn không thiết tướng, Dường như không-không không hơi, mà chẳng phải quả thiết không hơi, mà thiết có hơi vậy. Chẳng hơi thì không tướng, không tướng thì chẳng thấy có vậy, là chỗ gọi: không mà chẳng không. Chẳng không mà không, là chỗ gọi: không chẳng không, là Phật Như Lai giấu hình. Là chẳng ngoài cái lý ấy vậy. Hiểu đặng chơn-không, ấy là tánh, thì mới hay điều cái chơn tức này. Chẳng hay điều tức, thì trọn khó đại định. Người hay đến cái hơi này, rồi lia cái hơi này, thì mới khá vào diệt-tận-định vậy. Tuyệt dứt diệt-tận-định, rồi thì mới hay xuất định. Còn đến cảnh giới thần-thông, là phải có tham-ngộ tu lên việc ở trên nữa.

6. Ông Thái-Hòa hỏi: Cái thuyết dược hỏa xằng xằng, chẳng biết chỗ nào tin chịu. Một chỗ nói: Thần là hỏa. Khí là dược. Lấy thần đắc khí, tức là lấy lửa nấu thuốc. Thì đây nói thần nói khí riêng làm 2 vật. Một chỗ nói: Hỏa là dược. Dược là hỏa, là nói thần khí hiệp làm một chẳng chia ra. Một chỗ nói: Giờ lấy đó là thuốc. Giờ nấu đó là lửa. Cái ý nói thần khí đều khá gọi thuốc, cũng đều khá gọi lửa. Hai thuyết này đồng nhau hay là khác nhau?

Đức Ngũ-tử đáp rằng: Hai thuyết đồng nhau.

- Nói cái nghĩa đường như khác, mà sao cái lý lại đồng?
 - Đều lấy thần đắc khí vậy. Giờ lấy (thuốc) thì khí đi vào trong thần, thần khí hiệp nhứt, rồi đồng lên đồng xuống mà đặng thuốc, thì gọi đó là thuốc vậy. Khá đặng cái vật cầu, nên đặt tên là chơn duyên. Giờ nấu (thuốc) thì thần về khí huyết, thần khí hòng dung (là thần với khí đều trọn trở nên hơi) mà đồng đi đồng đứng, thì có lửa vậy, thì đó là lửa vậy. Khá tới cái vật đặng chơn duyên, nên đặt tên là chơn-hồng. Để cho 2 vật thông thả mà kết cấu, thì đều hiệp về làm

một. Như vậy gọi hòa, gọi được, gọi một gọi hai, có chỗ nào mà chẳng khá. Ta có một bài thi, Điện-hạ phải hiểu lấy. Thi rằng:

*Ngôn diên ngôn hồng túng ngôn phi,
Nhựt nguyệt song luân ngự khí phi.
Tí hậu tịnh thăng thiên thượng khứ,
Ngọ tiền đồng giáng địa trung hồi.
Lịch thần thập nhị giai lưu phục.
Quán đánh song song mặc chuyển đi.
Cổ-thánh cượng ngôn vi hỏa được,
Bất ly thần khí tự tương tùy.*

THÍCH NÔM:

*Nói diên nói hồng sái làm chi,
Nhựt nguyệt hai vầng dẫn khí đi.
Tý hậu lên trời đều một lượt,
Ngọ tiền xuống đất cũng đồng thì.
Mười hai giờ thấy thần cầm núp,
Một cặp rười đầu lặng chuyển dời.
Cổ-thánh gượng rằng làm hỏa được,
Chẳng lìa thần khí trọn tương tùy.*

7. Ông Thái-Hòa hỏi rằng: Làm sao gọi rằng **như miêu bộ tử?** (Như mèo rình chuột)

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Mèo rình chuột thì 4 chân rì xuống đất, làm thế chẳng động, hai con mắt dòm miệng hang, thấy chuột thì nhảy tới bắt. Cho nên Âm-phù-kinh nói: Cơ tại mục (Máu móc là ở nơi con mắt). Lại nói: Trường sanh cứu thị (Là trường sanh bất lão). Thiên gia nói: Chánh pháp nhân tạng. (Cái phép chánh là ở trong con mắt). Đều là nghĩa này vậy.

Gọi: Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông. (Lặng mà chẳng động, cảm mà bèn thông), khá chẳng tựa hồi trong cửa 100 ngày, biết trắng giữ đen, biết trống giữ mái sao? khá chẳng tựa như ngày đêm lặng xem, đặng trừ lục tặc ấy sao? Khá chẳng tựa yên tọa tịnh

thất, hằng tất thị niệm ấy sao? Cho nên dùng con mèo thí dụ là chù-nhơn, dùng con chuột mà thí dụ là trần-chướng. Nhưng rình chuột quét trần, đều tiêu thành cái việc hữu-vi. Qua khỏi cái giờ này, mà quên mèo quên chuột, không trông không ta, thì sau mới khá vậy.

8. Ông Thái-Hòa hỏi: Làm sao gọi là xung-hòa?

Đức Ngũ-Tử đáp: Xung hòa là cái hơi mà chẳng hơi. Sáng lập Trời Đất. Xông riềm một mình, chẳng vì hô hấp ngăn-trở, cũng chẳng vì lên xuống làm khốn đặng sự tầm gọi. Cho nên nói: Phải vậy thủ trung, cũng gọi là: Mật pháp (phép kín). Thế nhơn chẳng biết điều tức là gọi làm sao. Ta thì nói rằng: Gọi cái hơi hòa mà xung “lặng sâu” vậy. Thế nhơn chẳng biết phòng nguy lự hiểm. Ta thì nói rằng: Phòng cái nguy hiểm, chẳng hòa mà xung vậy. Phải hòa mới xung hòa. Chẳng hòa thì chẳng hay xung. Lấy thuốc dùng cái ấy. Trừ giặc ở ngoài cũng dùng cái ấy. Giữ thành dùng cái ấy. Kết thai, nuôi thai cũng dùng cái ấy (cái xung hòa).

- Dùng cái ấy thì cảnh tượng dường nào?
- Chẳng mịch chẳng nường, không quá chẳng kip, chẳng gấp chẳng hườn, chẳng phải có chẳng phải không.
- Cái chỗ dùng là làm sao?
- Thần khí ngang vai, âm dương hiệp nhưt. Ban ngày thì đồng đi, chẳng trước chẳng sau. Ban đêm thì đồng đứng, chẳng cách chẳng lia. Như vậy hiểu rồi, thì ấy là cái đạo lý xung hòa.

9. Ông Thái-Hòa hỏi: Đường nào là phòng nguy lự hiểm?

Đức Ngũ-Tử nói: Từ thí chí chung, thật nhiều chỗ nguy-hiểm. Vả thuốc sanh có giờ, chẳng biết giờ thuốc sanh mà hái lấy, thì trước mặt làm qua ấy là nguy-hiểm. Hái thuốc có giờ, lỗi giờ mà chẳng đặng chơn-khí, ấy là nguy-hiểm. Tấn hỏa, mà chẳng biết tấn, chẳng biết chỗ phải thôi, cùng chẳng do chỗ phải khởi sự mà tấn; thối hỏa, chẳng do chỗ phải ngừng mà thối, ấy là nguy-hiểm. Lửa đủ, mà chẳng biết thôi, để cho hại đơn, ấy là nguy-hiểm. Đặng thuốc mà chẳng bay lên ba cửa, để cho hư thuốc, ấy là nguy-hiểm. Phá cửa mà chẳng thiệt thông khiếu là nguy-hiểm. Qua khiếu thông nhóm

mà hoặc thành-linh tan là nguy-hiểm. Ba cửa qua rồi, thì nguy-hiểm ở tại thước-kiều. Thước-kiều qua rồi, thì nguy-hiểm lại ở phục thực. Trộn về huỳnh-đình, thì bước bước đều nhắm cây sào đã cao hơn trên đầu người đó mà luyện từ bước một thêm tới mãi, không trước ý vào đầu hết. Giờ luyện hư không mà trước một ý tưởng, là đại nguy-hiểm. Giờ thiên huê lãng-xăng sa xuống, mà chẳng hay xuất dương thân, thì chẳng hay không nguy-hiểm. Xuất định nhập định cũng có nguy-hiểm, chẳng hay kể hết đặng. Như đến đây mà các sự nguy-hiểm xét đã đặng qua xét hết không còn dư sợ nữa, thì đúng đúng siêu thoát đặng một cái sanh-tử luân-hồi, gọi đó là bậc trường-sanh bất-tử, mới gọi là có phần, cùng đạo rước nhau, tự-nhiên chúng đến hư-không bất hoại, mới không nguy-hiểm, ấy là gọi muôn vật có hoại mà hư-không chẳng hoại vậy.

10. Ông Thái-Hòa hỏi: Sao gọi rằng mộc dục?

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Mộc dục ấy là cái bí-cơ của hỏa hậu, cái yếu pháp của công luyện dục luyện thân. Cho nên chẳng dám nói ngay khinh lậu, mà phải thí dụ là mộc dục cho đặng nên cái ý mà nói vậy.

Vả ngũ hành ở trong thế đạo thì riêng có chỗ luận cái lý sanh tử: là Trường sanh 1, mộc dục 2, quan đái 3, lâm quan 4, đế vượng 5, suy 6, bịnh 7, tử 8, mộ 9, tuyệt 10, thai 11, dưỡng 12 ngôi hết thấy vậy. Chỗ sanh có tử. Chỗ tử có sanh. Bởi vì chánh pháp của Tiên Phật gọi: hỏa-trường sanh tại dần, thì ngôi thứ 2 là mộc dục tại mọ. Nên mượn ngôi mọ là cái tên mộc dục, mà một mình giờ mọ là chỗ bí-cơ phải dùng, cho dương phù theo hỏa hậu. Thủy-trường sanh tại thân, thì ngôi thứ 2 mộc dục là tại đậu. Nên mượn ngôi đậu là cái tên mộc dục, mà gọi rằng giờ đậu là cái bí-cơ phải dùng, cho âm phù theo hỏa hậu. Nhưng mọ đậu tý Ngọ là phép tứ chánh, nên Nhập-dược-cảnh nói: Xem tứ chánh ấy vậy.

- Người đều nói: Mọ đậu tý Ngọ chẳng làm hỏa hại. Nay lại gọi đó là yếu pháp, gọi đó là bí-cơ. Đặng có hỏa hậu hay là không hỏa hậu, và có trái nhau với lời người ta nói đó không?

- Thánh Chơn nói: Cái lửa của giờ này là cái giờ chẳng làm. Đây là ẩn ngọn vậy. Chẳng phải toàn vô hỏa-hậu mà chẳng làm. Ta đặng chơn truyền của Thầy mà biết đó: thiết chẳng trái nhau với lời của chúng. Mà chúng tự mình trái đó. Chúng-nhơn kia cứ nương theo lời ẩn-ngôn của Tiên-Thánh, mà nói: Phép mộc-dục của 2 giờ mọ đậu là chẳng làm hỏa-hậu, mà người đời chẳng hay biện biệt. Còn ta thì ngâm rằng:

*Thế xung mộc-dục bất hành-hỏa,
Bất thức hô-hư ký hướng thù?
Yếu tương tứ vị dung điền đảo,
Tài đắc kim-đơn nhứt liệp qui.*

THÍCH NÔM:

*Người rằng mộc dục không làm lửa,
Chẳng biết hà xì ở chỗ tê?
Tứ chánh phải đem vậy lộn ngược,
Kim-đơn một hạt mới hay về.*

Ấy đủ dùng mà phát minh đó vậy. Có người gọi tháng 2 tháng 8, hai tháng mọ đậu chẳng làm hỏa hậu, mà có mộc-dục ấy thì rõ biết rằng họ sai. Vả luận cho biết cái phép sai đó là ở đâu, thì lấy lời của Đức Chung-Ly tiên sư nói: “Một năm mộc-dục phòng nguy-hiểm” mà làm chứng vậy. Ông Tiết Tử Hiền chơn Nhơn cũng nói: “Một năm mộc dục lại phòng nguy-hiểm”. Lấy đó làm chứng nữa, thì biết 10 tháng hoài thai đều là mộc-dục, vốn chẳng chấp nơi tháng 2 tháng 8 hai tháng ấy. Nhưng nói trong cái phép thế gian mà thí dụ cái lý của Thiên đạo, là dùng cái phép đặng tỏ cái máy sanh tử của giờ mộc-dục. Đã nói: chẳng đến ven Trời tìm giờ tý Ngọ, lại há phải coi trong lịch số mà tìm tháng mọ tháng đậu sao? Nếu bảo dưỡng thai mà bỏ cái công của tháng 2 tháng 8, hai tháng ấy, thì thần trì khí tán, là trái với đạo. Cũng khá ví với phụ Nhơn mang thai, mà trong 2 tháng (tháng 2 tháng 8) lại chẳng hoài dựng đặng sao?

Nay ta lậu cái bí-cơ của vạn cổ, cùng kinh Thiên-tiên chánh-lý trực-luận của ta trước hiệp nhau mà làm đại dụng (dùng làm công

lớn). Người sau gặp Tiên Phật truyền đạo cho, thì chắc là phải dòng giống của Tiên Phật. Ất phải coi theo đây dẫn chứng qua, thì sau mới thật là chánh đạo của Tiên Phật.

1. Ông Thái Sơ hỏi: Công phu tu chơn khởi đầu thì đường nào?

Đức Ngũ-Tử nói: Người còn trai tráng, thần khí động tịnh, cái máy tuần-hườn mau. Hễ dương khí sanh rồi, thì thể thủ phan luyện, là chỗ gọi nhứt dương sơ động, trung tiêu lậu hồng. (Hễ dương khí mới động một lần, thì giữa đêm (sau giờ tỵ) làm lửa cho có giờ khắc). Ấy là có thuốc mà làm lửa vậy. Còn người lão mại, thần khí suy lãn, gọi đó rằng: lão lai diên hồng thiếu (già rồi thần khí kém), thì cái máy động tịnh tuần hườn chậm, thì dùng cái quyền-pháp: xao trước cổ cầm, đặng mà hoán qui chiêu phụng, đặng sau âm cực thì dương sanh, là gọi rằng: Day trở cái chốt cửa ải đầu đặng dò thăm tiêu-tức. Là chỗ gọi:

*Khước tương Bắc-đầu hướng nam đi,
Thần vận hà-xa vô liễu kỳ
Vận bài hà-xa quân tái thụ,
Minh triều y cựu tiếp thiên-ky*

THÍCH NÔM:

*Chinh dời Bắc-đầu đến nam thùy,
Thần vận hà-xa chẳng dứt kỳ.
Vận đặng hà-xa ngươì lại ngủ,
Sáng mai y cũ rước thiên-ky (thiên cơ)*

Ấy là làm lửa trước, chừng sau thuốc sanh lại làm lửa nữa vậy. Ấy là phép khởi đầu huyền diệu thiên cơ. Mà thể-nhơn chẳng đặng biết có như vậy. Hết thầy người đời đều nói: Kẻ già yếu chẳng khá tu. Bởi chẳng đặng rõ cái lý đạo này vậy. Ta thì nói: Còn có một tác hơi, thì đều khá làm đạo. Kinh Huỳnh-đỉnh nói: 120 còn khá tu đơn. Xưa có một người 80 tuổi còn hườn đơn. Đức Lão-Tử hằng nói: “Kẻ đầu bạc trắng già-già yếu-yếu, lẽ đâu khá từ-chối mà chẳng tu-đơn thay?” Kẻ trai tráng thấy đây cũng không nên biếng nhác.

2. Ông Thái-Sơ hỏi: Giờ dụng công buổi ban sơ, phải để bao nhiêu thời kỳ?

Đức Ngũ-Tử nói: Thường con người thần với khí đều ban-ngày thì chủ nơi động, còn ban đêm thì chủ nơi tịnh. Cái tịnh thiên-nhiên thì chính có ban-đêm là làm vậy.

Ta hồi niên hiệu Vạn-Lịch, năm Nhâm-dân, ngày xuân sơ, thử luyện bá nhựt, đóng cửa ở nhà, giữ một tháng điều tức: rồi tháng kế đó thì tịnh tấn thời chí thần tri, vận một châu thiên. Từ đó về sau, mỗi buổi tối thì làm đặng ba năm châu thiên. Làm đến mười mấy châu-thiên, thì tinh hóa hết làm khí, là hỏa-hậu đủ rồi, bèn đặng cảnh thoi lửa, mới trọn thoi đó, thì ước ngoài hai tháng, còn tóm lại thì là rút ba tháng. Cho nên Cổ-nhơn nói: Bá nhựt trúc cơ, là thật đáng tin vậy.

Xưa ông Tào-Hườn-Dương chơn-nhơn, giờ hạ công-phu, trú dạ công cần, (ngày đêm công siêng) thì chẳng đầy 50 ngày mà lửa đủ, rồi lấy đại dược. Có 50 ngày mà đặng hỏa-châu dong rười xong trên lướt dưới, có huyền diệu tự-nhiên mà qua cửa không chi ngăn cản. Mới biết kim-đơn xá-lợi của Tiên Phật là riêng-lạ với đời. Thật chẳng trái với lời chỉ giáo của Thánh-Triết vậy.

3. Ông Thái-Sơ hỏi: Cái giờ thoi lửa sao gọi là chí yếu?

Đức Ngũ-Tử nói: Thuốc chín thì phải thoi lửa. Thuốc chưa chín, thì lửa không thoi. Giờ thuốc chín mà chẳng thoi lửa, thì dầu trải qua nhiều kiếp cũng chẳng hay siêu sanh tử. Chưa thoát phàm thai, thì còn có sanh tử. Là chẳng phải đạo vậy. Phải thoi lửa, thì mới có phục-thực, thoát thai, chánh là cái cửa ải đầu để mà siêu phàm nhập thánh. Ấy là đệ nhứt huyền cơ.

Vả lửa đã thoi, mà lấy kim-đơn đại dược hỗn độn 7 ngày, thì trừ một hai ngày trước, mau quá mà chẳng đặng kim-đơn kê bỏ ra ngoài. Đến đặng ba bốn năm sáu bảy ngày, thì hoặc trong một ngày trong mấy ngày đó, mà đơn-điền lửa hực, hai thận nước sôi, gió kêu sau tai, chim tụ kêu sau óc. Giờ này thì con mắt có kim quang (hào quang vàng), trong đơn điền có một hột giống đại-dược đến, lại có

tên là: Thủy lý huyền châu. Là do nơi sa-nữ cõi thanh long hái lấy mà dung, nên nói tắt rằng: Long nữ hiến châu. Kẻ chịu giữ đặng hột châu này, thì đặng đến quả vô-lậu, mà chứng vô lượng thọ, há nên trễ-nãi mà chẳng biết xem-xét cho trọn thay?

4. Ông Thái-Sơ hỏi: Người đời nếu chẳng biết thôi lửa, thì ngày sau ra làm sao?

Đức Ngũ-Tử nói: Biết thôi mà thôi, thì sau biết dùng cái công thể đại-duợc. Còn chẳng đặng đại-duợc, thì an lòng nơi tiêu thành, chẳng qua là đặng trường sanh mà thôi. Cái chơn-khí còn khá tan, cái cơ-đạo cũng khá hoại. Vậy phải biết thôi lửa, thì sau mới hay siêu thoát. Chẳng biết thôi, thì chẳng hay riêng dùng lấy thuốc. Lấy mà đặng rồi, thì sức thuốc đủ dùng qua cửa. Ấy là biết phân biệt đặng nguồn nước trong, luyện đặng lửa đủ mà thôi, thì cái sức của hỏa hậu chẳng sai. Nếu đại-duợc chẳng để cho lấy, mà chẳng lấy đặng, hoặc lấy mà sức chẳng ruồng cửa nổi, ấy là nguồn nước chẳng thật trong, và là cái bệnh của hỏa hậu: lửa chưa đến giờ phải thôi mà thôi trước vậy, thì công trước bỏ hết, cùng sự tẩu đôn không khác. Ất phải luyện đôn lại như buổi ban đầu, thì sau mới đặng nên một lần, tức là đặng trường sanh bất tử của Tiên Phật.

Mấy ông lão-cổ-chùy (cái dùi xưa đã lứt rồi) sống đến 1200 tuổi, 800 tuổi, 500 tuổi, đều là đến bậc ấy vậy. Còn chưa vượt ra khỏi kiếp vận. Bởi vậy Cổ Thánh có nói:

*Vị luyện hườn đôn tu tốc luyện,
Luyện liễu hườn đôn tri chỉ tức,
Nhược dã trì dinh vị dĩ tâm,
Bất miễn nhứt triều tao đãi nhục*

THÍCH NÔM:

*Chưa luyện thuốc rồi mau phải luyện,
Luyện rồi đặng thuốc biết thôi đủ.
Nếu cầm đây mãi lòng chưa thôi,
Chẳng khỏi một hôm gặp hại nhục.*

Lại nói: Cho người tắm muôn kiếp, trọn phải sa vào quả không-vong. Khá chẳng dè-dặt thay?

5. Ông Thái-Sơ hỏi: Sao gọi là châu-thiên hỏa hậu?

Đức Ngũ-Tử nói: Châu thiên (vòng trời) là như đường đi của mặt Nhựt mặt Nguyệt. Trời một ngày một đêm đi một châu thiên, là ấy vậy.

- Đường nào nói là một vòng?

- Là trong Trời đi khắp 365 độ có dư (1/4) ấy vậy. Mượn lấy độ số trong một ngày của vùng Thái-dương mà nói, là khi vùng Thái-dương mới từ dưới Đất mọc lên, xây mà đi lên tới trên Trời, rồi đi nữa mà sau xuống dưới Đất, qua khắp 365 độ, thì đó là một vòng trời. Một ngày là một vòng. Rồi ngày mai lại là một vòng nữa. Đếm đủ 360 vòng, thì là một năm. Trong giờ hỏa hậu luyện kim-đơn, hồi ban sơ thần khí đều đi, thì cũng theo dưới Đất mà đi lên tới trên Trời. Cổ-thánh gọi là: Nước sông Huỳnh-hà chảy ngược. Một chỗ gọi là: Nước Tào-Khê chạy ngược. Một chỗ nữa là: Nước Động-đỉnh chảy ngược. Một chỗ nữa là: Nước sông Tây-giang chảy ngược. Rồi cũng chảy xuôi dưới đất, là giáp một châu thiên ấy vậy.

Nhưng 360 độ lại có tượng là một năm 360 ngày, tức là cái tượng một năm, thì bèn hay trả cái khí một năm lại vậy.

- Máy tạo-hóa trong mình làm sao hợp với độ số của Trời Đất đặng?

- Ông Hứa-Chơn-Quân có nói: 216 dùng trong giờ dương, từ tý chí ty, là 6 giờ dương, gọi là 36 độ. Lại có nói: 144 đi trong giờ âm, từ ngọ chí hợi là 6 giờ âm, gọi là 24 độ, thì rất hiệp với số 360 vậy?

- Cổ-Thánh lại có cái thuyết: tiêu-châu-thiên, đại-châu-thiên, là dùng chỗ nào mà chia làm đại tiêu vậy?

- Đức Chung-Ly tổ có nói: Nhứt niên mộc-dục phòng nguy-hiểm, ấy là đại-châu-thiên. Ông Tử-Dương Tổ nói: Chính cái đạo-châu-thiên là một chỗ rất có hiểm-nguy, chẳng khá lấy cái hỏa-hậu ngày

thường mà xem như lệ thường vậy. Ông nói: hòa-hậu ngày thường đây là tiểu-châu-thiên. Tiểu-châu-thiên trong giờ luyện tinh hóa khí. Cái huyền diệu trong ấy là có 2 giờ tý ngọ dương hỏa âm phù. Nhưng mẹo dậu, 2 giờ mộc-dục, thì đại-châu-thiên dùng trong giờ luyện khí hóa thân. Cái huyền diệu trong ấy là có chẳng hơi mà tới cái hơi có không ấy vậy. Nói hòa-hậu như vậy, thì ít có mừng-tượng với thật-tích. Nên sự huyền-diệu thiên-cơ là ở nơi mình tham ngộ, mới có chơn-cơ, chớ lời nói chẳng hay kể hết đặng.

1. Ông Thái-Át hỏi: Trong Thiên-tiên Chánh-lý Trục-luận nói: đánh khí là chỉ hạ-đơn-điền, và trung-đơn-điền. Ngày nay Thầy dạy lấy kiên-khôn làm đánh khí, ấy là một thuyết hay là hai thuyết vậy?

Đức Ngũ-Tử nói: Chẳng phải hai thuyết nhưng mà cái giờ dùng khác nhau. Nay nói: Lấy kiên khôn làm đánh khí, là ở trong thời kỳ 100 ngày luyện tinh hóa khí. Thường cái khí lấy ở dưới, ắt phải lên đến trên Thiên-đánh, còn cái khí lấy ở trên, ắt phải xuống đến trong Địa-phúc, thì mới có chỗ về ở. Nên nói rằng: qui căn tự hữu qui căn khiêu, phục mạng ninh vô phục mạng quan. (Nghĩa là: về gốc còn có lỗ về gốc, lại mạng nào không cửa lại mạng.) Tuy muốn bỏ kiên khôn cũng chẳng hay bỏ đặng.

- Cái lý có trên từ dưới là có làm sao?

- Ngươn-tinh thuộc thủy thì tự nhiên phải trôi xuống dưới, để mà thấm gốc, mà ngũ tạng đều có tinh khí, đều có nối nhau thành dây mà đi xuống trong 24 khúc xương sống. Muốn cho tinh khí đi ngược về, nên phải do con đường trong xương sống đó mà trở lên. Trở lên thì lia tức khí mà đặng chơn khí. Ngươn thân phát động chỗ lo lường, thì tự nhiên như lửa hừng mà lừng lên, đến nơi tai mắt miệng mũi. Ngươn thân muốn đi ngược về nên phải xuống tới đơn-điền, nương theo tinh khí mà xuống, thì lia cảnh cũ, mà đặng trọn thoát về sống vậy.

-Trung hạ nhị điền gọi là đánh khí, thì cái lý làm sao?

- Hạ-đơn-điền tức là cái thuyết của giờ luyện tinh. Còn trung-đơn-điền tức là cái giờ luyện khí hóa thân. Trước giờ hóa khí thì dùng thượng-đơn-điền làm kiên, dùng hạ-đơn-điền là khôn, đến tột trên dưới nhị-đơn-điền, mà bỏ trống trung-đơn-điền. Trong giờ luyện khí, thì dùng trung-đơn-điền mà thượng hạ đều là con đường trống đã có trải qua, và thượng trung hạ, tam điền đều có cái giờ chỗ phải dùng, nên cũng đặt tên mà nói vậy. Kể có duyên gặp đây, thấy cái thuyết này, phải nhớ đó đặng mà định luận.

2. Ông Thái Át hỏi: Trong Trục-luận nói: Dương hồi thở ra mà thở, thì chẳng xuống chẳng lên. Dương hồi thở vô mà đóng, thì chẳng lên chẳng xuống. Cái nghĩa này huyền-diệu chẳng hay lường, xin thầy giảng lại cho đặng rõ.

Đức Ngũ-Tử nói: Xưa Đức-Chung-Ly tổ sư độ đức Thuần-Dương Lữ-Tổ đã có nói: Trong giờ khá lên thì chẳng khá xuống. Trong giờ khá xuống thì chẳng khá lên. Gọi đó là nhứt dương sơ động, thì ngươn tinh dậy trôi mà muốn xuống dưới, cho nên trong 6 giờ dương theo sau giờ tý, thì đều lên, dùng giờ lên mà hái lấy. Không cái lý khá xuống, thì chẳng khá xuống vậy. Lên đặng mà dạy về nơi bồn căn. Đến nơi 6 giờ âm theo trước giờ ngọ, thì đều xuống, dùng giờ xuống mà chung nấu. Không cái lý khá lên, thì chẳng khá lên vậy. Bởi chỗ huyền diệu ấy là ở nơi lên xuống, đảo điền mà dùng, thì mới đặng huyền diệu. Đó là thiên-cơ muôn xưa chẳng truyền vậy.

3. Ông Thái-Át hỏi: Buổi ban đầu của dược vật, thì thể nhơn đều dùng giao-cầu mà lấy tinh. Bởi vậy yêu nhơn dâm tâm dùng tà thuyết mà gạt đời dối người. Điều ấy bất tất luận rồi. Nay chỗ nói **Tinh khí tuy chơn, mà chẳng đặng làm chơn-tinh mà dùng.** Để từ muốn nghe cái thiệt nghĩa của cái thuyết này cho đặng rõ.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: chẳng đặng dùng chơn tinh cho có huyền-diệu, thì có 2 câu tiên cơ. Một là giờ chơn-chủng đến mà thân chẳng biết, thì không phối hiệp nên chẳng hay cầm lại. Hai là biết giờ chơn tinh đến mà chẳng biết phối hiệp, cái giờ hái lấy sớm

quá, khí non nên chẳng thành đơn. Bởi vậy nên người tu muôn kiếp, mà không thành.

- Thượng Thánh chỉ nói: **Thời chí thần tri**, mà quả có huyền-diệu của chơn cơ chẳng?
 - Nhưng đó là Đề-Chơn Đại-Thánh trên Trời chỗ chung bí-mật. Cái ý chỉ muôn kiếp chẳng truyền. Chánh là chỗ này thiết dứt chẳng đồng với chỗ đàm luận của thế pháp. Bởi vậy nên đời không cái đạo kim-đơn, sống chẳng đặng lâu, đều vì không phép này. Ấy là trong chỗ thanh chơn, lại có biện biệt đặng cái chí-thanh chí-chơn, là cái tiên cơ để tu để thành. Đặng câu này thì sau phải trọn dè-dặt trong lời nói. Ta tuy nói nhiều, chẳng qua là noi theo người xưa, mà nhắc cái dấu-thô, đặng chỉ cái cửa cho người sau tìm-kiếm, khiến cho mỗi người đều vào chỉ đạo. Như gặp hậu bối vào đạo đó cạn, tín đạo chẳng sâu, tuy vậy mà lại hỏi bởi làm sao mà biện luận, thì ta tuân mạng Trời mà trả lời rằng: Riêng có phép biện luận, nhưng chẳng phải dám khinh ngôn, vì kẻ nói với kẻ nghe đều sẽ bị Thượng-Đế quở trách. Vì tiền thánh bị lỗi (cấm răn) đã có ghi rõ ràng trong truyện ký. Đời sau có người chơn tâm rõ đạo, thì ta sẽ truyền mà độ đó. Ta lại sợ người chẳng biết kiếm đạo, bởi vậy mới luận biện, nên phải đề kinh này lại đặng cho hậu hiền coi đó cho có chỗ giận chỗ tức, đặng mà mở trí phát minh.

4. Ông Thái-Át hỏi: Đời Thượng-cổ các Thánh-chơn truyền được, bắt truyền hỏa. Cho nên từ trước lại đây, ít người biết hỏa hậu. Nay lại hỏi phép luyện được, cũng có chỗ bí mật chẳng truyền hỏa. Thật quả có nghe hay là quả chẳng có nghe người truyền? Như có người nghe, thì người nghe đó phải tin có người đời trước làm chủ đặng mà chủ truyền hỏa hậu. Nếu lửa chẳng truyền, thì lấy đâu mà nói đó? Xin thầy dạy rõ.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Cái hỏa-hậu lại phải tự mình hiểu lấy. Hiểu cái giờ thuận, cái phép hợp. Chẳng phải nói cho hết đặng, cũng chẳng phải khá tượng hình dung lại đặng. Bởi sao mà lửa chẳng khá truyền ra, chẳng khá nói ra? Và nói cái giờ phải dấy lửa,

là tùy cái giờ thuốc sanh. Ấy là sự cố nhiên vậy. Đến cái cơ hỏa hậu đồng dùng, thì có cái vi-ý của hai tình biết nhau. Hẳng có đồng dùng hay là chẳng đồng dùng vậy? Hẳng có biết nhau hay là chẳng biết nhau vậy? Chưa khá nói chỗ tương-tợ đặng vậy. Giờ vẫn nhu dùng tới mà lên. Giờ võ cang dùng xuống mà lui. Vẫn chẳng quá nhu (mềm). Võ chẳng quá cang (cứng). Cang biến mà làm nhu. Nhu biến mà làm cang. Lên chẳng lia 2 khí, xuống hay thuận 1 giờ. Trước đây do đâu mà nói vậy, hay là đã từng lấy việc ấy mà nói vậy? Còn gọi là thai tức, thì lại khá dễ nói sao? Hôi mới khởi sự có hơi kết thai, thì theo không mà vào có. Mà thiết tựa như không, nơi trong chẳng có hơi mà thành có hơi. Ấy là cái buổi hữu vô gồm dùng. Đã như vậy rồi, còn cái hơi thoát thai, thì theo có mà vào không. Mà ở trong chỗ không hơi ấy mà tịnh-định tịch-diệt, thì chánh là chỗ gọi: cái buổi vô dư Niết-bàn. Và lấy cái công chẳng có hơi mà làm thai, là gọi: Vạn pháp qui nhứt (Muôn phép về một). Còn có một, thì làm chỗ để thấy cho con mắt, chỗ để biết cho cái tâm, là cũng còn khá dễ nói dễ truyền. Còn lấy không hơi đại định mà làm tròn thai, thì là về nơi không rồi. Chỗ gọi không ấy là không 2 khí tiên-thiên hậu-thiên, không lòng sanh diệt động tịnh tuần huàn, không 6 mạch mà tịch diệt tận định, không cái thấy của con mắt thấy chỗ huyền diệu, không cái hay của cái tâm hay chỗ huyền diệu. Mà gọi không, không hay không thấy đó, thì chẳng khá đặng, là bởi làm sao? Là sợ nơi tối-tăm chẳng phải diệu giác. Mà bảo không đó, bảo chẳng khá hay biết, thì chẳng khá đặng, là bởi làm sao? Là sợ nơi chẳng biết đem lại cái vóc của tánh chơn. Như đặng vậy, là diệu ngộ, thâm nhập mật tu mật chứng, thì nói mới đúng vậy. Ta nay nói nhiều như vậy là noi nhắc cái dấu thô trong phép dạy đạo, như vậy là chỗ đến trong muôn một. Người đừng chấp chỗ truyền lửa này: gọi nghe làm đặng, phải biết mới làm đặng, thì may lắm! may lắm!

5. Ông Thái-Át hỏi: Trong các phép có cái phép **ngũ long bổng thánh**. Ngày trước chưa nghe. Quá thuở trước có kẻ phạm này

chẳng đặng nghe như vậy, hay là Thánh chơn thuở trước cũng không đặng nghe cái phép này vậy?

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Vả phép ấy đã có nhiều, đều là thí-dụ nói phép công-phu cả. Xưa Đức Thế-tôn thí dụ đó mà nói rằng: Lư nha xuyên tất (Mộng lau xỏ đầu gối). Mộng lau há hay sanh trưởng trên bàn thạch đặng sao? Đức Đạt-Ma thí-dụ đó mà nói rằng: Chiết lư quá giang (Bẻ nhánh lau thả qua sông). Đức Đạt-Ma cỡi thuyền vượt biển mà đến Trung-Quốc. Vượt biển chẳng dùng lau, qua sông há dùng lau sao? Đều là lời diệu-dụ, mà một ghét kẻ ngu chấp lời đó đặng nói bậy mà gạt đời. Thiệt khá hổ vậy!

- Lời thí dụ ngũ long bông thánh này, người xưa cũng thí dụ, hay là lời thí dụ của ngày nay mà thôi vậy?

- Thuở trước Đức Huyền-Đế chứng đạo nhằm đời vua Hiên-Viên Huỳnh-Đế, năm 59, là năm Giáp-Tý, khi phải lìa chất phàm đặng mà dưỡng thần thai, dùng cái phép này để làm cái phép tắc, nơi núi Võ-đương. Núi này gọi là Xá-thân-nhai, là chỗ siêu thoát phàm thai. Nói: ngũ long bông thánh, nghĩa là nói: vào thánh vị. Cái thí-dụ ấy để mà dạy hậu nhơn. Cái lòng độ người sao mà lớn vậy! Cho nên kẻ tu tiên truyền đạo đặng nghe mà gọi sao rằng không nghe? Còn ông Trương-chơn-nhơn, ngồi da cạp, ngồi tịnh gởi kín trong núi Võ-đương, rồi sau khẩu truyền cho ông Lý-Hư-Am, đất Lư-giang. Ông Hư-Am lại khẩu truyền cho người ở huyện Nam-xương, xóm Võ-đương, là ông Tào-Huần-Dương, rồi khẩu truyền đến bác và cha cháu là Chơn-Dương, cùng đều đặng nghe đó. Ông Tào-Huần-Dương có ông Hùng-Tú-Am, hiệu là Thủ-Hư, ông Đặng-Thiều-Quang, hiệu là Thủ-Không, đều dòng giống Tiên, ở huyện Tân-Kiến đất Sơn-Tây. Với con ông Tào-Huần-Dương tên Hi hiệu Thủ-Huyền mấy người ấy. Ông Hư-Am dùng phép đó mà đặng thành tiên, đại hiện thân thông, tế dân cứu thế, rồi ông ở ẩn, hồi niên hiệu Vạn-Lịch năm Ất-Mão. Ông Tào-Huần-Dương lấy phép đó mà chứng đạo. Ông Hàm-Quang Thái-Hư lại cũng là ông tiên ở ẩn, nơi niên hiệu Thiên-Khải năm Nhâm-Tuất. Dương hồi muốn ẩn tích ở Sơn-tây nên đã viết ra rồi. Ta cũng nhân đó mà viết ra để thế cho phép khẩu-thọ (truyền miệng) đặng khắp mở tri kẻ hậu học. Mà

phàm phu có tu cái diệu đạo tối thượng như thừa của Tiên Phật, thì cũng phải coi đây mà phân đường phàm đường thánh. Kẻ khác dầu nói hay chứng Tiên Phật mà chẳng coi đây, thì cũng không lấy đầu mà qua cửa, mà thoát phàm chứng thánh, thì hết thầy đều là cuồng-ngữ, vọng-khẩu, hồ-thuyết (là lời dối trá gạt gẫm) của tà-nhơn để mà làm cái chước hoặc thể vu dân, mà tự mình lâm lạc ấy vậy. Đâu có phải chánh đạo thay! Nghĩ đến việc ấy, thì cái thiên cơ bí-mật chẳng đặng chẳng lộ một ít, đặng cho hậu nhơn biết đó mà tham cầu. Nếu người có chí Tiên Phật thì chẳng khá dễ duôi mà nghị luận lời này. Trái với lời này, chẳng kiếm mà học đạo, thì cho tu muôn kiếp, trọn cũng khó trốn lục-đạo luân hồi. Khá chẳng lo đặng mà làm cái việc gấp thay?

6. Ông Thái-Át hỏi: Đường nào là dưỡng thai? Đường nào là thành thai? Xin thầy cắt nghĩa cho rõ.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Dưỡng thai ấy, là thí dụ nói: luyện khí hóa thần. Chẳng phải thiệt có thai.

- Đã không thai, thì lấy gì mà nói dưỡng?

- Là bởi cái giờ mới dưỡng thai, thì dường như không hô hấp; mà lại thiệt có hô hấp. Bằng cái giờ thai rụng gần sanh, thì cái tướng sống thác bởi còn, cái máu ra vào cũng còn. Gọi là nhị thừa, lại cũng gọi là: như-lai, nghĩa là y như thiên-lý mà lại, y như thiên lý mà về, nên gọi là như lai. Cái đạo vi-diệu của Tiên Phật là khó biết. Mà những lời kinh Hoa-nghiêm chẳng khá chứng nghiệm sao? Phật Nhiên-Đăng gọi là: chư hạnh vô thường, là cái phép sống thác ấy vậy. Vào Niết-bàn, mà chưa chứng đến bậc ấy, thì cũng phải do đó mà siêu lần lần, lại gọi là làm phép tu quan. Tiên gia gọi đó là phép dưỡng thai. Hết tu thành rồi, thì không hô hấp mà diệt-tận-định vậy. Nếu thai cấu (hiệp thai) mà chưa thành thai, thì mờ vậy không vật chi cả. Cái tướng sống thác đã dứt, cái máu ra vào cũng lặng dứt, tâm làm cái tâm bất sanh bất diệt, thân làm cái thân bất sanh bất diệt, thân làm cái thân bất sanh bất tử, theo đó mà hiểu ngay liền, thật đồng cùng thái-không, từ đây sắp lên, thì là bậc chơn-đốn, chẳng theo Trời Đất mà đồng hoại. Tiên Phật gọi đó là thai nên, thì

sau mới hay thoát thai xuất thân, chỗ do kinh Lăng-nghiêm nói: “Ký dụ đạo thai, thân phượng giác triệt” Nghĩa là đã dựng trọn đạo thai, thì chính mình trọn biết. Như thai đã nên, thì tướng người chẳng thiếu, thân tâm hiệp thành, ngày càng thêm lớn, hình thân xuất thai mình làm phật con.

Và đã thí dụ rằng thai, thì phải tưởng dường như có thai. Là có làm sao? Là theo cái lý sanh người, thì thai của anh-nhi ở trong bụng, còn theo cái lý tu Tiên, thì thần-thai ở nơi tâm. Thế nhơn chính có nghe cái tên thai, mà gọi rằng trong thai có anh nhi, điều ấy thiết đáng cười lắm vậy. Kẻ có chí làm Tiên Phật, chẳng khá chẳng lầy đây mà phá lòng nghi hoặc.

7. Ông Thái-Át hỏi: Dường nào là xuất dương thân? Cầu Thầy mỗi mỗi giải rõ.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Tiên-thiên ngưng-tinh gọi rằng chơn dương, dựng cái chơn dương này mà luyện tánh cho có thần-thông, vào định dựng định, gọi là dương thân. Còn chẳng dựng cái tinh-chơn-dương, mà cũng phối hiệp nhập định dựng định ấy, thì chỉ có âm thần mà thôi. Cứ tập khô-thiền (tịnh khan) rồi đó cũng dựng hơi không ra vào, lòng chẳng sống thác, đến cảnh giới chơn không, thì mới dựng xuất âm-thần, cũng còn sống thác, chẳng khỏi luân-hồi tiểu quả vậy. Bởi vậy có 4 quả-vị, là giai cấp của bậc nhơn-thiên. Xuất âm thần, huệ quang phát hiện, thì chỉ có lậu tận thông, thần cảnh thông, tức mạng thông, với tha tâm thông, trọn có 4 thần thông. Ít hơn dương thân 2 thần thông: thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông. (Ồ trước nói: âm thần thiếu một cái lậu-tận-thông mà thôi. Sao ở đây lại nói thiếu 2 thần thông này, và khác tên?) Chẳng hiệp cái thiên lý thuần-dương, nên âm tánh chẳng hay trái mạng Trời, là có ấy vậy.

Nếu phải là đạo Phật Tiên: luyện tinh dựng tinh, luyện khí dựng khí, đôn ngộ cái chơn-chánh dương-thần, ấy là cái đạo âm dương 2 khí hợp với một vậy. Vào mà tịnh định, thì thần thông với thái-hư, ra mà hiển-hiện, thì thông thiên triệt địa, thiên biến vạn hóa. Mắt thấy võ-trụ, tay chuyển kiên-khôn, ấy là dương-thần vậy. Chơn

dương-thần tức là chơn-không tánh thể. Chẳng hay kiến tánh, thì chẳng dựng chơn-không, chẳng thành dương-thần. Chẳng đến chỗ kiến tánh chơn-không thiết địa, ắt chẳng hay xuất dương thân.

- Dường nào biết là chơn-không thiết-địa? Mà thần của dương thân?
- Tánh hiệp thái không, mà thần chẳng thần, một mảy chẳng nhiễm, một trần chẳng động, dứt không ra vào, sống thác đã dứt, là chơn-không thiết địa. Hễ thấy thiên-hoa lăng-xang sa xuống thì thần tưởng mà nhảy ra khỏi đảnh môn, là dương-thần siêu. Thì luyện thần huôn-hư lên bậc trên, mà hiệp đạo vậy.

- Thiên hoa lăng xang sa xuống, cái chơn-chỉ của Cổ-Thánh để lại là cái nào?

- Hoặc có kẻ chẳng khứng khinh ngôn mà nói lậu ra, hoặc có kẻ chẳng biết phép ấy cũng có. Xưa ông Lam-Dương-Tổ dựng thai tại Nam-nhạc đủ 10 tháng thành công, mà chẳng biết phép ấy, nên định lâu nơi trong mà chẳng hay xuất thân. Ông Lưu-Hải-Thiền tổ-sư mượn 10 bài thi của ông Lý-ngọc-Khê mà gởi cho, đại lược nói rằng:

*Công thành tu thị xuất thân cảnh,
Nội viện phồn ba vật lụy thân.
Hỏi thủ phật tiên thoát khứ,
Dường thành linh chất ly phàm trần.*

THÍCH NÔM:

*Công nên đà phải cảnh ra thân,
Nội viện rộn-ràng chớ hại thân.
Hiểu dựng phật tiên siêu thoát kiếp,
Nuôi nên linh chất bỏ phàm trần.*

Ông Lâm-Dương-Tổ bèn vỗ tay cả cười mà xuất thân. Đức Thế-tôn thuyết pháp đến thiên hoa loạn trụ (lăng-xang sa xuống) mà vào chứng đạo. Xưa Đức Khuru-Tổ nói: Bằng đến Thiên-đỉnh, bỗng có thiên-hoa, mới xuất dương thân thì dựng sơ-quả.

Kẻ học đạo phải biết rằng Tiên với Phật đồng một công phu, đồng một cảnh tượng, và đồng một dương-thần chứng quả, kẻ kia hay khoe mình nên cượng nói là 2 đạo khác nhau, ấy thật là bọn hạ ngu, chẳng đỏi trí thức đặng vậy.

8. Ông Thái-Át hỏi: Nhũ-bộ là làm sao mong Thầy giải rõ.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Ấy là lời nói thí dụ của phép luyện thần. Thần khí mới định mà hiệp làm một thần. Nếu thần xuất rồi, thì gọi là thường định, là chánh đương ở trong lúc này vậy. Chẳng thường định thì lỗi phép định vậy. Cho bú mà nuôi thai cho đủ tạng-phủ, nuôi hình cho đặng thành nhơn. Cái công nhũ bộ là lớn vậy. Bởi dương-thần hồi sơ định, thì dễ nơi diêu động. Ất phải định cho lâu, định mà sau mới liễu đặng, thì mới rõ cái nghĩa: luyện thần huờn hư. Luyện ấy là nghĩa nhũ-bộ. Luyện mà lại luyện, cho đến hiệp với tự-nhiên hư-không, tức là cho bú mà thành, đến sau mới hay giữ đặng toàn thể vậy.

Thảng như chẳng thường định nơi thượng-đơn-điền, thì đến bậc thượng-thừa mà thôi, chẳng phải bậc thượng-thượng. Đốn mà chẳng phải đốn, thần mà chẳng giống thần, hoặc thối mê nơi tiểu quả cũng có, hoặc sa té vào nơi dị thú (vui lạ) cũng có. Chỗ gọi là còn trong vòng sắc giới, còn có sanh tử ấy, là chỗ này vậy. Bằng cho bú cho đến huờn hư, đồng vóc hư-không, mà xuất ngoài tam giới, sanh tử chẳng hay buộc-trói, Trời Đất chẳng hay câu-thúc, là đều nhờ nơi sức nhũ-bộ vậy. Vậy thì đến phép nhũ-bộ há khá hốt lược vậy thay?

9. Ông Thái-Át hỏi: Ông Lý-Hư-Am, ông Tào-Huờn-Dương, 2 ông tiên truyền đạo cho nhau đến nay, có còn pháp-ngôn nào chẳng? Xin thầy dạy cho.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Ông Lý-Hư-Am có 2 bài tuyệt-cú-thi, và 3 bài luật-thi. Bài tuyệt-cú-thi thứ nhứt nói rằng:

*Nhứt dương sơ động lậu trì trì,
Chánh thị Tiên Phật thể được thì.
Tốc tốc dụng công y khẩu quyết,*

Mạc giao thất quá giá ta nhi.

THÍCH NÔM:

*Một dương mới dậy lột lâu lâu
Phải lúc Phật Tiên lấy thuốc màu.
Chống chống dụng công y khẩu quyết,
Đừng cho lâm mất vị đơn-đầu.*

Bài tuyệt-cú thứ nhì nói rằng:

*Nhứt dương sơ động tức huyền quan,
Bất tất sanh nghi bất tất nan.
Chánh hảo lâm thời y khẩu quyết,
Tự-nhiên hữu lộ thâu nê-hoàn.*

THÍCH NÔM:

*Một dương mới dậy phải huyền quan.
Đừng có sanh nghi cũng đừng than.
Quả thật tới giờ theo khẩu quyết,
Tự-nhiên có nẻo đến nê-hoàn.*

Bài luật-thi thứ nhứt nói rằng:

*Thức phá kiên khôn điền đảo điền,
Kim-đơn nhứt liệt thị thần tiên.
Yếu tâm mạc hướng thâm sơn lý,
Thuyết phá vô phi tại nhãn tiên.
Man lý du nhàn điều ngoại dục,
Vô trung sanh hữu thể tiên thiên.
Tín lai nhận đắc sanh thân xứ,
Hạ thủ công phu tự khẩu truyền.*

THÍCH NÔM:

*Biết rõ kiên khôn điền đảo điền,
Kim-đơn một hột ấy thần tiên.
Muốn cầu đừng đến trong non thẳm,
Luận rõ chẳng chẳng tại nhãn tiên.
Chỗ rộn thung-dung điều ngoại dục,
Trong không sanh có lấy tiên thiên.*

*Tin sang nhận đặng nơi sanh vóc,
Hạ thủ công phu tự khẩu truyền.*

Bài luật-thi thứ nhì nói rằng:

*Nhược vô hỏa hậu đạo nan thành,
Thuyết phá căn nguyên như tín hành.
Yếu đoạt nhơn-gian chơn tạo-hóa,
Bất ly thiên thượng nguyệt khuy dinh.
Trừu thêm giá đặng phân thù lượng,
Tấn thối như tư hiệp thánh kinh.
Thử thị thượng thiên thể nhưt bả,
Bằng tha phò ngã thương bồng dinh.*

THÍCH NÔM:

*Nếu không hỏa hậu đạo khó thành,
Mi cứ tin làm, rõ ngọn ngành,
Muốn cướp nhơn-gian chơn tạo hóa,
Trắng kia tròn khuyết phải cho rành.
Bớt thêm mấy món cân phân lượng,
Lui tới như đây hiệp thánh kinh.
Ấy thiệt cây thang lên trời vậy,
Ta nương theo đó đến bồng-dinh.*

Bài luật-thi thứ ba nói rằng:

*Yển-nguyệt chi lư tại ná phương?
Nga-my hiện xứ thị tha hương?
Sắc trung vô sắc trần tiên giác,
Thân ngoại hữu thân đạo cánh hương.
Tiên thủ ngưng-dương vi đơn liệp,
Huân chung chơn khí huân huỳnh-lương.
Kỳ gian nhưong tự trường-sanh tửu,
Nhứt nhứt hiện lai túy nhưt trường.*

THÍCH NÔM:

*Yển-nguyệt lò kia ở chỗ chi?
Nga-my chỗ hiện đó làm gì?*

*Sắc trong không sắc trần hay trước,
Thân ngoại hữu thân đạo thơm kỳ.
Trước lấy ngưng dương làm hột thuốc,
Xông riêm chơn khí ủ xôi đi.
Nơi trong đặc lấy trường sanh tửu,
Một bữa bùng ra say một khi.*

Ông Tào-Huàn-Dương thi tuyệt cú nói rằng:

*Nhứt dương sơ động thị kỳ thì,
Kỳ thì thì chí ngã tự tri.
Cẩn y sư chỉ lâm lư quyết,
Ngôn nhiên cầm trụ ná ta nhi.*

THÍCH NÔM:

*Một dương mới dậy ấy là giờ,
Giờ đến ta hay đó phải giờ.
Khẩu quyết đến lò tua cẩn thận,
Bảo cầm cho đặng cái kia cờ.*

Bài tuyệt-cú thứ nhì nói rằng:

*Nhứt dương sơ động bản vô tâm,
Vô tâm bất động chỉ nam-châm.
Tứ-tế lâm lư phân lão nộn,
Tống qui thố-phẫu kết nhơn-thân.*

THÍCH NÔM:

*Một dương mới dậy vốn vô tâm,
Vô tâm chuyển động chỉ nam châm.
Chính chắn đến lò phân lão nộn,
Đưa về nôi đất kết hôn nhơn.*

Thơ của 2 chơn-nhơn đều lập luận đại-dược. Nếu kim-đơn đại-đạo chỗ rất khó rõ ấy, là chơn hỏa với chơn-dược. Cho nên 2 chơn-nhơn chẳng đặng chẳng tráo-trở mà viết ra đặng nói cho rõ ràng. Lấy lời ta nói đó thì khá làm ấn chứng.

10. Ông Thái-Át hỏi: Đức Chung-Ly nói: Tiên có năm bậc: 1 là thiên tiên, 2 là thần tiên, 3 là địa tiên, 4 là nhơn tiên, 5 là qui tiên. Ấy là 5 giống tiên. Người thế chắc đã biết rồi. Nhưng còn chưa biết chỗ tu làm sao mà chứng khác nhau. Xin thầy giải rõ.

Đức Ngũ-Tử nói: Tiên có 5 bậc, mà có 2 giống mà thôi. Hai giống ấy là giống nào? Là âm-thần với dương-thần chẳng đồng nhau. Bậc qui tiên là giống âm-thần. Còn thiên thần địa nhơn tiên là giống dương thần.

Người đại tu hành hay lấy đặng chơn-tinh dương khí trong thân, mà phối hiệp với bốn tánh trong tâm, ngưng-thần chủ tể chuyển vận hô-hấp, mà làm hòa-hậu của tiêu-châu-thiên, đặng huân chung hỗ trợ, bổ đặng ngưng-khí sung mãn, như hồi 16 tuổi trở lại trước, thì là vóc thuần-dương. Ấy là luyện tinh đã thành dương-khí hết rồi.

Khí đủ nơi hạ-đơn-điền, mà chẳng dùng siêu thoát lìa hạ-điền mà lên ở trung-điền, chính hay giữ ở hạ-điền, tức là cái quả trường-sanh bất-tử, thì gọi là nhơn-tiên. Nhơn-tiên chẳng lìa người, ấy chẳng qua là quả sơ-cơ tiểu-thành vậy. Hay giữ đó, thì vĩnh bảo trường sanh, tự nhiên không lo tật bệnh. Nếu chẳng giữ chơn-khí, để cho tinh lại lọt, thì cùng thường-nhơn sống thác không lạ. Vì bởi chẳng lìa người, cũng chẳng lạ hơn người, là chỗ do thần trì khí tán tinh kiệt, thì người chết vậy. Cổ-nhơn nói: Lưu đắc dương-tinh, quyết định trường-sanh (nghĩa là: Cầm đặng dương-tinh, thì quyết rằng đặng sống lâu). Ấy là bậc nhơn-tiên, đã có vậy.

Còn bậc **địa-tiên** là tiếp theo nhơn-tiên mà dùng công chẳng thôi, tạo thêm một bậc nữa. Tinh đã hóa khí, thì thể-thủ khí ấy mà phục-thực. Dâm căn trừ rồi, xuất ly dục-giới rồi. Nhưng chưa đặng thể khí cho dứt sự sanh tử, nên Tiên còn đi trên đất, còn phạm-chất trọng-trục, chẳng lìa đất, cũng chẳng hay chống lại tam tai; bởi còn hô hấp, nên phải như vậy: gặp thủy tai, thì nước bít lỗ hô hấp; gặp hỏa tai, thì lửa thiêu cái máy hô hấp; gặp đao binh tai, thì đao binh xẻ cái hình hô hấp; cũng đều là thi-giải (nghĩa là còn hình thì

còn chết). Dầu chẳng thi giải (chẳng chết) mà cùng thần khí làm 2 vật riêng ra, thì trọn cũng chẳng bay đi đâu đặng hoài trên đất. Ấy là cái danh bất hư của địa tiên.

Tiếp theo đây mà luyện tới từ 1 tháng tới 10 tháng, làm cái lửa đại-châu-thiên, lấy cái chẳng hơi mà làm hơi, luyện khí hóa thân, thần đặng hiệp, thì gọi là **Thần-tiên**. Không hơi hô-hấp, vào nước chẳng chết đắm, nên cũng có tên là thủy-tiên. Thần-tiên chẳng lìa thân, còn do trung-đơn-điền mà chứng quả. Khí Hậu thiên hô hấp đã không, khí tiên thiên chơn dương đã hóa hết. Giữ lâu ở trung-điền, chẳng vượt lên thượng-đơn-điền, là như xưa ông Lam-Đương-Tổ thần thai đã 10 tháng mà chẳng hay xuất, cũng gọi là một loại ngu phu, thọ đồng Trời Đầy ấy vậy.

Nơi đây lửa đủ thân trọn, thần khí đại định thì xuất dương-thần. Hễ xuất dương-thần, thì thần thông biến-hóa. Luyện cái thân hay biến hóa, cho hay huân-hư hiệp đạo, thì gọi là **Thiên-tiên**. Bậc thiên-tiên thì thể đồng thanh-hư với Trời, đồng hiệp đức Trời, nơi vô-cực chẳng cùng. Có tên khắp Đông Thiên Tây Thiên, siêu lên trên 33 tầng Trời, ngang vai cùng các Thiên-tiên. Sự hội hiệp lâu chẳng khá lấy chi hơn nữa đặng. Ấy là bậc nhơn-tiên địa-tiên thần-tiên thiên-tiên đồng chỗ chứng một dương-thần vậy.

Nếu chẳng biết **chơn-tinh dương-khí**. Thì không phép châu-thiên mà phục-khí. Chỗ tu chứng là một tánh âm mà thôi. Tánh phải tịch tịch (lặng lẽ) chẳng động nơi quấy, phải đặng chơn-không, chẳng dấy vọng niệm mà làm giống con luân hồi, thì chẳng theo vào hang hó luân hồi. Xuất đặng âm thần, chẳng chịu sanh-tử, lâu làm linh qui, trầm không trệ tịch (chìm chỗ không, ngấn chỗ lặng) làm chỗ chịu quả chịu trách của Thiên-tông, nên gọi là **qui-tiên**. Mà cũng chẳng hay làm qui trọn cùng Trời Đất ấy, là bởi nhập môn bất chánh, thật không dương-khí nên chẳng đủ đặng trọn theo Trời Đất ấy vậy.

Lại có một hạng người tại thế, chẳng tranh danh lợi, chẳng ưa phần ba, chẳng chung người thế, ở ẩn thâm sơn cùng cốc, mà cũng tự xưng là tiên. Lấy chỗ ở núi mà xưng mình là nhơn sơn. Nhơn sơn 2 chữ hiệp lại thì làm chữ tiên, ấy là có thêm một bậc tiên, ngoài 5 bậc tiên kia vậy. Thiệt chẳng hay kể cho hết đặng. Nhưng đều gọi là tiên, mà chẳng đủ lấy làm tiên ấy vậy. Người hậu học đừng thấy kể chẳng phải tiên mà gọi là tiên, mà khinh thị bậc Thiên-tiên, thì cũng khá gọi là kẻ ham mền mà tới đặng. Ấy là sở nguyện của ta.

--oOo--

BÌNH CỔ LOẠI

(Bình luận các đạo lý xưa)

Câu hỏi thứ nhất: Ông Trương-Tử-Dung, ông Bạch-Ngọc-Thiền đều nói ngưng thần nhập khí huyết. Ông Bảo-chơn-tử cãi lại mà nói rằng: Thần là rất linh diệu, làm sao ngưng tụ thần đặng? Bởi tức niệm mới đem thần trở vào thân, (ông Tử-Dương chơn-nhơn giải nói: Hai chữ tức niệm nghĩa là ngưng thần) – thì khí cũng trở vào trong thân, rồi lần lần chìm nơi khí huyết vậy. Lời nói của 3 ông chẳng giống nhau. Xin thầy dạy cho biết đường nào là phải.

Đức Ngũ-tử nói: Ông Bảo nói: Thần trở vào tâm, mà ngưng về bồn-vị, thì khí cũng trở về trong thân mà đặng bồn vị, chẳng giống chỗ nói của Trương Bạch hai ông. Thần vào khí huyết, là thần khí có giao cấu ở trong ấy, chánh là có chỗ tu luyện vậy. Chẳng phải thần trở lại, và khí trở lại, chẳng hiệp một mà gọi là khá chứng. Thế thì chẳng nên nghe theo lời cãi của ông Bảo. Huống chi lời nói của hai ông chơn-nhơn là ra nơi Chung-Ly-Tổ, sau buổi hóa thân. Vậy thì đâu khá cãi quấy như thế thay?

Câu hỏi thứ nhì: Ông Bảo-chơn-Tử lại cãi nói: không khí huyết. Gọi rằng ngưng-dương chơn-khí tan ra tứ chi bá mạch, mà làm xem

nghe nói động há khu khu ẩn trong một hang sao? Lời cãi này là đường nào? Xin nghe cho rõ.

Đức Ngũ-Tử nói: Con người cái giờ sanh ra, tự mình có một tánh mạng, thì ngưng thần bồn-thể vẫn tự nhiên có một chỗ ngưng tụ. Cho nên tuy chỉ rõ nói khí huyết, chớ cũng ở trong tứ chi bá hải, trong giờ xem nghe nói động, có cái mối khí dư làm dùng vậy, chớ còn cái bồn thể vẫn ở trong, chẳng làm cái công dùng cho thân ngoài. Ấy là cũng có bồn-thể tại thời. Và ngưng-khí của con người thì tự nhiên phải có chỗ ở. Người chẳng hay thấy ngưng-khí, cũng chẳng hay thấy trong mình có huyết không huyết. Người đã chẳng hay biện biệt thì nào ắt cãi có huyết không có huyết làm chi? Chẳng qua trong giờ luyện tinh hóa khí, thì lấy hạ-đơn-điền làm chủ, trong giờ luyện khí hóa thần, thì lấy trung-đơn-điền làm chủ. Điều gọi rằng: tráo trở tam điền, có chỗ đi phải đi, chỗ đứng phải đứng. Cái giờ hóa khí, thật ở hạ-đơn-điền, thì khí huyết há ở ngoài hạ-đơn-điền đặng sao? Mà phải riêng cãi đó vậy? Ngưng-tinh ẩn nơi dưới thận, cái giờ phát động, tức là ngưng-khí, vậy thì nên gọi rằng khí-huyết ở xa hạ-đơn-điền sao? Cượng cãi nói không khí-huyết, là chính mình sa vào không vong. Kẻ hậu học đừng làm chỗ này vậy.

Câu hỏi thứ 3: Ông Ngưng-Thái-Hư cãi nói: Ngưng thần nhập khí huyết, chính thiệt thâm thị phản quan (thâm xem trở ngó), hồi quang nội chiếu mà thôi. Ông Bảo-chơn-Tử cãi nói: không phải. Ấy là chấp trước chỗ ở, mà dùng ý xem soi chẳng trở lại. Phải hư-tĩnh mới hay trở thần lại nơi trong. Thầy trò nói 2 thuyết. Ai phải ai quấy? xin thầy giải rõ.

Đức Ngũ-Tử nói: Tiên-chơn chỗ gọi: hồi quang nội chiếu ấy, là khác hơn đây: Đương giờ luyện tinh hóa khí, thì hồi chiếu tinh khí. Đương giờ luyện khí hóa thần, thì hồi chiếu khí thần. Đương giờ luyện thần huồn hư, thì hồi chiếu huồn hư. Thật chẳng khá trước tướng nơi chỗ dùng soi, cũng chẳng khá trước ý ở trong mà dùng soi. Ấy đều rút vào cảnh không cả, sai tiên-cơ xa lắm. Riêng một mình ta thí dụ nói: Hồi quang nội chiếu (Day sáng soi trong), có hô hấp thái-hòa, là phép nội chiếu trong giờ luyện tinh hóa khí. Bởi lấy

có 4 chữ: hô hấp thái hòa, mà biết đó. Đến chừng luyện khí hóa thần, thì chẳng khá nói hô hấp. Thế thì 2 cái thuyết của ông Nguơng ông Bảo chẳng đủ dùng mà nói ấy vậy.

Câu hỏi thứ 4: Xưa ông Lý-hư-Am nói: Trộn hết thì cái đạo là đường nào. Là phải xem xét so sánh trong nhị lục thời, chẳng cùng hết thầy trần duyên làm lung đối đãi. Lời ấy là lời gì? Xin thầy dạy cho.

Đức Ngũ-Tử nói: Ấy là lời lưới rập của nhà Thiên vậy. Chẳng biết Tiên Phật Thượng Thánh chỗ gọi đạo ấy: là vô hình vô tình vô danh, cái huyền-diệu là chí hư chí cực, là chỗ gọi: đạo sanh một; một sanh hai. Nay nói trần duyên nói đối đãi. Phải biết rằng trần duyên là một, mà đối đãi trần duyên ấy là ta lại là một nữa, thì là 2 vậy. Chẳng cùng hết thầy trần duyên đối ấy là bỏ trần duyên thì còn ta, thì là một vật trong đạo. Một vật là một số trong đạo. Hễ một còn, thì chưa đến chỗ huyền-diệu hư-cực. Vậy thì nào khá chỉ một số mà gọi đó rằng đạo. Một còn thì thần còn. Cái giờ hóa thần, thì tâm này chẳng đặng trước ý vào duyên cảnh. Một lần trước duyên cảnh, tức là theo lục đạo luân-hồi. Tuy giờ quá khí, nếu đối duyên mà trước cảnh, thì chẳng hóa khí. Sao chẳng chẳng chẳng đối duyên, mà gấp gọi làm đạo thay? Chính chẳng biết rằng: luyện thần hóa hư mà huờn từ vô-cực cho đến chí-cực, thì mới cùng đạo hiệp chơn, mới ngang vai Tiên Phật. Cổ kim còn không, lại há lấy nhị lục thời (là 12 giờ trong một ngày) mà nói vậy thay.

Câu hỏi thứ 5: Tọa-vong-luận nói: Dừng chắc nơi gấp gấp mà cầu huệ. Gấp thì hại định. Hại định thì không huệ. Cái thuyết này phải quấy? Mong lão sư giáo huấn.

Đức Ngũ-Tử nói: Cái thuyết này quấy. Bởi cái tánh của con người mà đặng linh chiếu ấy là huệ. Còn động mà ra dùng theo lỗ tai thì nói rằng thông, dùng theo con mắt thì nói rằng minh. Nếu chẳng dùng thông minh nơi lỗ tai con mắt, mà trở sáng lại soi bản-thể thì gọi là huệ, là định. Ấy là lấy cái tên huệ ở trong định, chẳng lấy cái tên huệ ở trong chẳng định. Còn định cái huệ này, thì mới

gọi rằng định, chẳng định cái huệ này, thì chẳng đặng gọi rằng định. Kê kia nói: Kiểm cái huệ trong cái định, thì trọn xét cái định là vật chi? Lại lấy vật gì mà kiểm đặng cái huệ gì? Ấy bởi vì chẳng phải cái đốn-pháp của đạo-lý Tiên Phật ta, một tánh, mà gọi là đồng thuyết.

Câu hỏi thứ 6: Đạo kim-đơn phải nói đánh lư, vậy phải đường nào là phải? Xin thầy truyền thọ phép tắc.

Đức Ngũ-Tử nói: Trước lấy kiên khôn làm đánh khí (nồi chảo). Ấy là lời định luận của Tiên Phật.

- Ông Lý-Hư-Am nói: Lấy thân tâm làm đánh khí. Lại nói: kiên là tâm, khôn là thân. Nói vậy phải hay là không?

- Kiên chẳng phải tâm. Kinh Dịch gọi kiên là cái đầu, khôn là cái bụng. Làm đặng cái công tráo trở tam điền, thì mới thiết biết cái diệu thú của lư đánh.

Câu hỏi thứ 7: Xưa ông Tử-Dương chơn-nhon nói: Nguơn-tánh chẳng phải vật chi khác, cũng nhờ khí tụ mà đặng linh. Lời biện luận này là thế nào? Xin đặng nghe cho rõ.

Đức Ngũ-Tử nói: Cứ xem Trời đất cũng là khí ngưng tụ mà thôi. Mà nhơn tâm là tiểu thiên địa. Đó là ông Trương chơn-nhon nói ra cái lời của vạn cổ chưa nói ra. Người nay được một lần mà thông hết ý chỉ. Thì ấy là thiết cái lời nói đúng đặng chẳng đối đặng vậy.

Câu hỏi thứ 8: Xưa có một người xét rõ cái huyền-quan nhưt khiêu. Ông Lý-Hư-Am nói: Trong nhị lục thời: hành trụ tọa ngọa làm công phu thì phải hỏi kiểm ở trong sự ngữ mặc thị thính (nói lắng nghe xem) là cái gì. Lời ấy phải chẳng lẽ nào, xin thầy dạy lại.

Đức Ngũ-Tử nói: Người đại tu hành tu tất, không trước một ý chỉ hết trong sự nói lắng xem nghe. Trước ý, tức là hữu tướng hư vọng. Há khá sanh tâm mà cầu cái gì theo nơi ngoại đạo sao?

- Trừ bỏ sự nói lắng xem nghe, là phép Bàn môn ngoại đạo, thì đường nào là phải?

- Cái huyền-quan ấy, người xưa nói là cái cơ quan chí huyền chí diệu vậy. Nhứt khiêu ấy chẳng phải lấy một lỗ có hình tướng mà nói, mà là như nói: một cái huyền diệu cơ quan vậy. Vả nói hồi được sanh, thì xưa nay người người hay nói có giờ có chỗ, ấy là một cái huyền-diệu vậy. Như nói: hỏa hậu, điều tức, hô hấp, thì người người đều nói: cái giờ tới chẳng lui, cái giờ lui chẳng tới, cái giờ khá lên chẳng khá xuống, cái giờ khá xuống chẳng khá lên, đi có con đường phải đi, đứng có cái chỗ phải đứng, ấy cũng là một cái huyền quan. Như hồi luyện khí hóa thân, thập ngoạt dưỡng thai, thì người người đều nói: chẳng biết luyện khí, thì trước là hữu vi mộc-dục, sau thuận dương thì là vô vi mộc dục. Ấy cũng là một cái huyền diệu. Thần có cánh gân xuất, cũng có cái phép xuất, đường nào là luyện thân, đường nào là huồn hư, là siêu quá hư-vô tịch-diệt, chỗ vô cực chỗ chí cực, mỗi đều là một cái huyền-diệu. Nay nói sơ lược, đừng chỉ cho đừng có tưởng là nhứt khiêu, mà nhỏ xem cái giáo-ngôn của Tiên-Thánh vậy thay! Nếu phải kiếm cho thiệt đặng nhứt khiêu, thì là chẳng phải chỗ được sanh. Thì nào cần phải nói vậy.

Câu hỏi thứ 9: Cổ -nhơn nói: nếu biết tâm tức tương y, lâu thì nên thăng định. Còn thần khí tương hiệp, lâu thì đến trường-sanh. Hai cái thuyết ấy cái nào phải cái nào không phải? Dám xin thiên sư dạy cho.

Đức Ngũ-Tử nói: Thăng định với trường sanh đều là khí tiên-thiên, làm chỗ nương cho thân tâm, làm chỗ hiệp cho thần khí. Chẳng phải nói nội cái khí của hơi ra vào mà thôi. Dùng cái hơi ra vào, tức là cái vật hậu-thiên huyền-hóa, cho nên có hoại (không đặng trường sanh).

- Cái phép theo hơi: cùng hơi đều ra, cùng hơi đều vào, theo đó chẳng thôi, hề nghỉ thì đều dùng. Lời này cũng là nói: tâm tức tương y, lâu thì nên thăng định, há cũng chẳng phải sao?

- Cái chơn-tức huyền-diệu của Tiên Phật, thì chính có thăng giáng mà đến đường như không thăng giáng. Chẳng khá lấy xuất nhập mà nói. Có xuất-nhập ấy là phàm phu, chẳng phải thượng-thượng đốn

pháp của Tiên-Phật vậy. Bởi vậy họ Trang có nói: Phàm phu thờ dùng cái yết hầu. Còn chơn-nhơn thờ dùng cái gót.

Câu hỏi thứ 10: Ông Trần-Hư-Bạch nói: Hơi hơi về gốc, là mẹ sanh của kim-đơn. Lời này đường nào? Xin thầy dạy lại.

Đức Ngũ-Tử nói: Hơi hay về gốc, về nơi tịnh vậy, thì hay sanh tiên-thiên chơn-khí. Chỗ này ông Trương-Tử-Dương chơn-nhơn nói: Xao trước hoán qui, cổ cầm chiêu phụng. Nhưng thế nhơn chẳng biết chiêu phụng hoán qui, cho nên cũng chẳng biết bởi đâu mà kim sanh.

Câu hỏi thứ 11: Làm sao gọi là chỗ chơn-nhơn hô-hấp. Đệ-tử chưa rõ căn nguyên, nên xin hỏi sở nhân cho rõ.

Đức Ngũ-Tử nói: Cái hô hấp của con người là Trời Đất. Nên hô cũng ra nơi thiên-can kiên tịch (cung kiên mở ra) mà hấp cũng ra nơi địa-căn khôn hạp (cung khôn đóng lại), là xây từ cung kiên chuyển đến cung khôn. Ấy là cái cơ rất huyền-diệu trong sự hô-hấp của vị chơn nhơn. Chẳng phải chỗ rún, chỗ thận, chỗ trung-ương hay là nơi miệng mũi. Ông Phạm-Đức-Chiêu nói: Khí trong chẳng ra, khí ngoài chẳng vào, mà chẳng phải nín hơi vậy. Tựa như ông biết phép huyền-diệu của sự hô hấp. Nếu chẳng biết chỗ hô-hấp, thì chẳng hay luyện đơn ở trong nôi, thì cách đạo-tiên này xa vậy. Vậy xét xem rất phải cẩn thận.

Câu hỏi thứ 12: Có kẻ nói: Tu luyện phải đến nơi thai tức, mà sau khí mới về ngưng-hải, mới phải cái công thuận dương 10 tháng. Lời này phải chăng? Xin nhơn-sư dạy rõ.

Đức Ngũ-Tử nói: Lời ấy chẳng phải. Phàm 10 tháng trở về sau, thì hơi chẳng về nơi hạ-đơn-điền, ấy là luyện khí cùng hơi thờ đều đến nơi không mà làm thần. Thế thì chẳng khá lấy khí về ngưng hải mà nói.

- Vậy thì làm sao mới gọi khí về ngưng hải?

- Ngưng-tinh ngưng-khí sanh nơi ngưng-hải, mỗi khi gân đi xuôi mà làm hậu thiên giao cảm tinh, thì vị chơn nhơn y theo phép luyện

lấy đem về ngươn-hải, phanh mà luyện đó, lần lần lớn lần lần nhiều, thì tự nhiên trở nên kim-đơn mà phức thực. Cho nên cái khí của Tiên Thánh về ngươn hải, thì sống lâu vô cùng. Ấy là việc của thời kỳ 100 ngày luyện tinh hóa khí, chẳng phải việc của thời kỳ 10 tháng luyện khí hóa thần. Nên ta nói rằng: chẳng phải vậy.

Câu hỏi thứ 13: Ông Bảo-chơn-Tử cãi rằng: Tam cung thăng giáng ấy là tự nhiên thăng giáng, chẳng phải tại nơi người mà thăng giáng. Còn châu thiên vận dụng, thì cũng là tự-nhiên vận-dụng, chẳng phải tại người mà vận dụng. Lời cãi ấy phải chăng? Xin thầy dạy cho.

Đức Ngũ-Tử nói: Trộn là tà thuyết, gạt người quá lắm. Há chẳng nghe Cổ-Thánh-nhơn nói: Thần vận hà xa vô liễu kỳ, đó sao? Cổ-nhơn dạy người lên xuống thì cái yếu-lý là ở nơi tự-nhiên, vận-dụng thì cái yếu-lý cũng ở nơi tự-nhiên. Chẳng phải nói chẳng dùng nhơn lực mà thăng giáng vận dụng vậy. Người phạm chẳng hành đạo, thì thăng giáng do đường kinh lạc, chẳng phải do tam điền, chẳng phải châu thiên. Chính hay tam điền tráo trở đầu đuôi, thì mới hay tam cung thăng giáng, đặng theo hòa-hậu của Tiên Phật, thì mới hay vận dụng cái châu-thiên. Phật nói: “Pháp luân thường chuyển độ chúng sanh”. Cái nghĩa ấy sao chẳng kiếm hiểu, thì chẳng khác dùi đầu mà ăn cơm, cho qua cái kiếp sống này vậy.

Câu hỏi thứ 14: Phật tông nói: Xuất dương-thần là sanh 2 phép; Lời ấy phải chăng? Xin thầy chỉ rõ.

Đức Ngũ-Tử nói: Lời này phải, kẻ phạm phu chẳng giải đặng cái nghĩa vô-thượng chơn-không pháp thể, là đồ nơi dương thần cứ tham trước phần ba, nên chẳng siêu ỨC KIẾP, khó khỏi luân hồi. Tiên Phật lại nêu một phép luyện hư hiệp đạo sau rốt, nên có lời nêu cái giờ hư không, cái phép vô thị vô phi, đặng chứng rằng; kẻ phạm đã đặng cái bốn thể viên-ngộ chánh giác vậy.

Câu hỏi thứ 15: Trước đây mộng on nhơn-sư dạy rõ các huyền diệu bí quyết của đạo tu Tiên tu Phật. Đã chỉ minh bạch hết rồi.

Nhưng trong thời kỳ này phạm-phu nhiều người chẳng tin cái diệu thú của cổ-nhơn thành Tiên Phật. Cúi xin thầy thuật kỹ lại một lần để làm chứng, cho phạm phu nghe đó mà giác ngộ.

Đức Ngũ-Tử đáp rằng: Phạm-phu chẳng tu, thì khó khỏi luân hồi. Cho nên Tiên Thánh-Chơn có nói rõ như vậy:

*Trăm năm quang cảnh trọn chẳng bao lâu,
Bốn vóc huyễn thân há hay trường cửu.
Mỗi ngày sức nhọc mờ-mờ,
Trọng buổi việc hay mịt-mịt.
Chẳng biết nhứt tánh chi viên minh,
Luống theo lục căn chi tham dục.
Công-danh cái thế, chẳng chẳng đại-mộng nhứt trường,
Phú quý kinh nhơn, khó khỏi vô-thường nhị tụ.
Tranh nhơn tranh ngã, đáo để thành không,
Khoe giỏi khoe hay, trọn rồi chẳng thiệt.
Nước lửa tan thời không già trẻ,
Núi sông mòn hết mấy anh hùng.
Chóp xanh chưa mấy mà tóc bạc sớm chen,
Kẻ mừng vừa sang mà kẻ điếu theo đến.
Một bao nồng huyết năm dài khổ luyện ân tình,
Bày thược xương khô, ý vại bòn tham của báu.
Hơi ra khó biết lúc hơi vào,
Buổi mai chẳng gìn đặng buổi tối.
Ái hà chìm nổi bao giờ hết,
Hỏa trạch lo chiêm ngày nào rồi.
Chẳng tỉnh ra lia lưới nghiệp,
Cứ rằng chưa có công phu.
Vua Diêm-La tức tốc lai truy,
Ông Thôi Tướng há dung hưỡn hạng.
Hồi thủ gia thân đều chẳng thấy,
Đáo đầu nghiệp báo phải mình cam.
Quý-vương ngục-tốt một chịu khi lờn,
Núi đao rừng gươm lại không chối cãi.
Hoặc nằm suối nước sôi dưới đá,*

Hoặc bị vây sắt đở trong non.
 Chịu vạc đồng thì vạn từ thiên sanh,
 Gặp máy xắt thì nhứt đao lưỡng đoạn.
 Đói ăn sắt nóng,
 Khát uống đồng sôi.
 12 giờ cam chịu khổ tâm,
 500 kiếp chẳng thấy đầu ảnh.
 Chịu đủ tội nghiệp,
 Trở lại luân hồi.
 Mất hết buổi xưa mình người,
 Đồi khác hồi này da thịt.
 Mang lông đội sừng, hàm thiếc gát yên,
 Lấy thịt cúng người, dùng mạng trả nợ.
 Sanh bị cái khô đao châm,
 Sống gặp cái họa thang-hỏa.
 Cùng gây oan trái, thay đổi ăn nhau,
 Bây giờ ăn năn, học đạo không gốc.
 Sao bằng lập tức tu trì,
 Đừng để kiếp này qua mất.

NGÀY XƯA

Thích-Ca Văn-Phật bỏ hoàng cung mà lên đến Tuyết-son,
 Cư-sĩ Bàng-Công đem gia tài mà đổ xuống Thương hải.
 Chơn-Võ chẳng thống vương-vị, chỉ lo tu hành,
 Lữ-công đã làm thần tiên, còn siêng cầu học.
 Tô-học-sĩ thường gận Thiên-sư Phật-Ấn,
 Hoàng-văn-Công trọn lễ Hòa-Thượng Thái-Điêu.
 Bùi công giữ cung kính với Thạch-Sương,
 Phòng tướng hỏi phép đạo nơi Quốc-Nhứt.
 Diệu-Thiện chẳng chịu làm phò-mã, thành phật vô nghi,
 Lục-Tổ gặp nhau cùng khách-nhơn, nghe kinh đốn ngộ.
 Thiên đạo bằng không thú vị,
 Thánh hiền nào khứng qui y.
 Ông Hoa-Lâm cảm hai cọp theo mình,

Chàng Đầu-Tử có ba quạ đem tin.
 Lý-Trường-Giả giảng kinh, mà đầu búp Trời tống thực,
 Tu-Bồ-Đề đã tọa, mà vua Đế-Thích rải hoa.
 Đức-Đạt-Ma cầm chiếc dép về tây,
 Ông Phổ-Hóa rung lục lạc bay mát.
 Phật La-Hán đến châu nơi Ngưỡng-son Hòa Thượng.
 Vua Nhạc-Đế chịu giới cùng Tư-đại Thiên-sư.
 Kinh-Son đến nay cũng là Long-Vương làm lễ,
 Tuyết-Phong thuở trước hay khiến người gõ phá non.
 Ấy những điều chứng nghiệm biết-nhân do,
 Rất chẳng khá sanh lòng nghi nhứt-nhát.
 Chôn cáo còn nghe phép Bá-trượng,
 Ốc hương cũng hộ kinh Kim-cang.
 Mười ngàn cá-bay văn phật hiệu hóa vi thiên tử,
 Năm trăm vơi-muỗi thính pháp-âm tổng tác thánh hiền.
 Rắn nghe sám mà làm dân trời,
 Ròng nghe pháp mà đặng liễu đạo.
 Kia vật còn hay lãnh ngộ, (chịu biết)
 Huống người mà chẳng hồi tâm.
 Hoặc muốn dùi đầu ăn cơm cho qua một kiếp sanh,
 Hoặc đã lạc nẻo tu hành mà chẳng xét ý sót.
 Há biết bồ-đề giác tánh cái cái nên tròn,
 Dầu hay bát-nhã thiện căn người người đều đủ.
 Chẳng tính đại ẩn tiểu ẩn,
 Đừng so tại gia xuất gia.
 Bát câu tăng tục, chỉ biết xét lòng,
 Vô luận nữ nam, chẳng nên trước tướng.
 Người chưa thông đối phân tam giáo,
 Kẻ liễu rồi đồng ngộ nhứt tâm.
 Nếu hai phản chiếu hồi quang,
 Đều đặng kiến tánh thành Phật.
 Nhơn thân dị thất,
 Phật pháp nan phùng.
 Muốn siêu lục đạo đặng châu lưu,

*Chinh có nhứt thừa là đường tắt.
Phải cầu chánh đạo,
Đừng tín tà sư.
Hiểu hết mới thiết nhập đầu (xong xả),
Làm đặng mới hay thoát tục,
Bước bước đi trên thiết địa,
Đầu đầu chống đội hư không.
Dùng thời muôn cảnh trọn bày,
Buông hết một trần chẳng đứng.
Vượt đến đất chẳng can cùng sống thác,
Biết cái cơ chẳng dòm thấy của quỷ thần.
Ấy phàm ấy thánh, đồng cái đầu đường,
Hoặc ghét hoặc thương, chung một lỗ mũi.
Như nay hiểu rõ,
Còn trể giữa đường.
Đừng bỏ ba bậc huyền diệu ở trên,
Phải đặng một cái công thành sau rốt.
Vả cái đạo tức là chỗ gọi công thành sau rốt này vậy.*

*** HẾT ***

--oOo--

HẬU-BẠT

Đức Xung-Hư-Tử nói rằng: Ngài viết kinh Tiên Phật Hiệp Tông để chú giải kinh Thiên Tiên chánh-lý đặng chỉ cho đủ hết thiên-cơ của đạo kim đơn. Tuy Ngài dạy vậy, nhưng cũng chưa thật trọn đủ, vì mỗi thứ kinh của Tam-giáo thì thật lộ một vài chơn-lý mà thôi. Nên đồng chí đọc Thiên tiên chánh-lý và Tiên Phật hiệp tông rồi, còn phải cần đọc thêm kinh khác nữa của Tam-giáo Thánh-chơn lưu lại, như **Huyền-diệu-cảnh** (Trọn bộ 3 cuốn) **Đạo-thơ trích-**

cảm (Trọn bộ 2 cuốn) vân vân, đặng tìm thêm cho đủ đạo-lý của đạo kim đơn.

Nhưng thế nào cũng phải khẩu thọ tâm truyền mới đặng toàn chơn, vì cô-Tiên nói: **Bất đắc sư truyền, lưu vi khô tịch, nghiêm tợ ám trung xạ đóa**. Nghĩa là: chẳng đặng chơn sư truyền đạo luống làm bộn ngồi tịnh khan, thì tựa như bắn bia trong tối. Ông Ngô-ngươn-tử nói: **Tánh do tợ ngộ, mạng giả sư truyền. Bất đắc khẩu-quyết đồ tợ xai lương**. Nghĩa là: Cái tánh bởi mình hiểu, cái mạng cầu thầy truyền. Chẳng đặng lời khẩu-quyết, làm bướng tợ nhiên lâm. Lại có câu: **Tu hành sở tối cấp giả, tiếp mạng dã. Tiếp mạng giả, lập mạng dã, tu mạng dã**. Nghĩa là cái chỗ gấp trong sự tu hành, là tiếp cái mạng. Tiếp cái mạng tức là lập cái mạng, tức là tu cái mạng.

Nhân bởi các chứng trung trên đây, nên Thiện-Pháp xin đồng chí phải lưu tâm về cái đạo tánh mạng, mới có thể trông mong thành tựu.

BENTRÉ, 1-2-7

THIỆN-PHÁP

Kinh viết bài hậu bạt này

--oOo--

TU TRÌ ẤN TỔNG

Ấn tổng là in kinh thí đặng khuyên người tu niệm, thì có phước mà cũng có tội, cho nên phải biết cách ấn tổng.

In kinh thí mà được phước, là in những đơn kinh của Đại-đạo, là kinh của Tam-giáo Thánh-nhơn lưu truyền, đặng cứu tánh mạng của chúng sanh. Mà Đơn-kinh phải có chú giải đặng để dễ hiểu đạo lý mà tu luyện, cho thành tiên tác Phật mới gọi là kinh cứu tánh mạng, mới gọi là kinh thiết ngữ.

Còn in kinh thí mà có tội, là in đơn kinh của Tiên Thánh không chú giải như: Quan-âm tâm kinh, Kim cang kinh, Di-đà kinh, Pháp-hoa kinh v.v... và kinh vọng ngữ của phàm phu, để cho chúng sanh tụng và tu làm cho đến mất tánh mạng. Những kinh ấy gọi là kinh sát nhon.

HỮU KỆ VẤN

Khai khẩu thần khí tán
Khí tán tánh mạng nguy
Mạng nguy nan tái phục
Nan thực tội quy thù?

CÓ BÀI KỆ RẰNG

Mở miệng thần khí tan
Khi tan tánh mạng nguy
Mạng nguy khó chuộc lại
Khó chuộc tội về ai?

Tuy biết rằng kẻ mê muội không rõ đạo lý, tu thì chỉ biết tụng niệm cho đến chết là bởi họ vô duyên với đạo, mà kẻ ẩn tống kinh sát nhon, đối với công lý thiêng liêng dầu vô tâm vi ác, cũng phải bị một phần tội sát nhon.

THIỆN PHÁP

--oOo--

NGỘ CHƠN THIỆT KÝ

(Mấy đoạn dưới này rút trong bài Ngộ Chơn thiết ký của đạo hữu Khuê-Lạc-Tử)

Đến đầu năm 1952 bản đạo về Bến Tre thăm ông Nguyễn Bửu Tài, cựu giám đốc Sở-học-chánh đạo hiệu là Thiện-Pháp đương rộng mở cái chánh giáo tu đơn. Nhiều đồng chí tán thành, đã lập vũng-vàng cơ sở, nhiều đạo hữu nhập anh đã có ấn chứng. Qua ngày tháng hai (1932), bản đạo có thượng mật số đăng câu ý-kiến của Đại-Từ-Phụ về phận sự của bản-đạo như vậy:

<< **Thầy** cười Khuê-Lạc-Tử

Thượng tiên nhưt thị chiếu Trần-gian

Đế vị trùng quang vạn cổ nhân.

Cao đẳng giáo dân tu luyện đạo,

Đài trung Từ-Phụ sắc cao ban.

Thầy đã cho con giáo đạo, nhưng chẳng nên như khi trước, phải làm y như Thiện-Pháp đạo mới thành. Việc lo xa khoan tính, cần cho tín đồ biết hườn hư đã. Còn phần con phải làm như vậy:

Thủy thăng hỏa giáng khảm ly hoàn,

Diên hồng giao đầu long hổ phang.

Điên đảo âm dương thành thánh thể,

Công thành duyên mãn lạc an nhân.

Phàm như truyền đạo, trước phải thỉnh lệnh nơi Thầy, chẳng đặng tự do. >>>

Vậy thì Thánh ý dạy bản-đạo hiệp lực cùng ông Thiện-Pháp mà giáo đạo, nên bản đạo có đôi lời trung cáo với đồng chí rằng: Kể từ ngày bản-đạo xuất gia tu hành đến nay chưa gặp cái tôn chỉ nào chí chơn chí chánh như cái của Tây-Tông Bến Tre. Nên bản đạo khuyên đồng chí muốn tu đại-đạo, thì khá tu theo Tôn chỉ của Tây-Tông, ắt đạt thành chí nguyện.

BẾN TRE, 29-4-7

KHUÊ-LẠC-TỬ cẩn cáo

--oOo--

Chúng tôi nhận được bản soft copy “Tiên Phật Hiệp Tông” là nhờ cô Ngô Mỹ Hạnh ở Biên Hòa đã bỏ công copy và gửi cho chúng tôi. Nhận thấy giá trị quý báu của quyển Kinh, chúng tôi phát nguyện đánh lại vào máy vì tính để có thể đưa lên mạng phân phát cho mọi người cùng đọc và tìm hiểu.

Vì đánh máy lại nên e rằng không tránh khỏi được những lỗi lầm. Xin quý vị độc giả niệm tình tha thứ và đồng thời xin chỉ bảo những chỗ sai lầm để chúng tôi có thể sửa chữa và bổ túc.

Xin chân thành cảm tạ,

Viễn Lưu, Nov/13/2014.

Email: vienluutd@yahoo.com

Version: 2.0

Đã kiểm lại với bản gốc của cô Ngô Mỹ Hạnh: Dec/03/2014